

THƯ VIỆN HÀ NỘI ĐC



HVV2874

CHU THIÊN  
TUYẾT  
GIANG  
PHU  
TỬ'



ĐẠI-LA

2874

# TUYẾT-GIANG PHU-TỬ'

1492—1586

Tủ Sách  
Nguyễnvinh-Phác

CHU THIÊN

**TUYẾT GIANG**  
**PHỤ TỬ'**

LƯỢC KHẢO VÀ PHÊ BÌNH

**NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI-LA**  
Số 46, phố Garment - HÀ-NỘI

TUYẾT- GIANG PHU- TỬ CỦA CHU.  
· TRIÊN DO NHÀ ĐẠI-LA XUẤT-BẢN,  
IN LẦN THỨ NHẤT TẠI NHÀ IN  
QUANG-KHOA, NGOÀI NHỮNG BẢN  
THƯỜNG CÓ IN THÊM MƯỜI BẢN  
TRÊN GIẤY PHUNG-CẦU, TRƯỚC SỐ  
TỪ P.C. MỘT ĐẾN P.C. MƯỜI MƯỜI BẢN  
NÀY ĐỀU CÓ CHỮ KÝ CỦA TÁC GIẢ.

雪江夫子

## TỰA

Tuyết-Giang Phu-Tử tức là tôn-hiệu của trạng Nguyễn-Bình-Khiêm mà ta thường quen gọi là Trạng-Trình.

Đối với Trạng-Trình, dân ta không mấy ai là không biết. Nhiều người còn nhớ ít nhiều câu sấm của Trạng. Cho đến ngày nay giữa lúc năm châu mở khí đụn, mà trong nước đang bị ảnh hưởng theo, người ta đều nhắc nhỡm luôn đến câu :

MÃ ĐÈ, dương cước, anh hùng-tận. (1)  
và mong mỗi :

Thần, Đậu, niên lai, kiến thái-bình! (2)  
Hay là những câu :

Khi làm con ngời khỏe,

Gà vỗ lỏ sao sáo bay,

Chó vẩy đuôi mừng thánh chúa,

Lợn ăn in ăn sổi ngày! (3)

Cũng cùng một xu-hướng ấy, và cốt để chiêu thị-hiệu công-chúng, những nhà trước-thuật trước đây, hoặc sưu tập văn thơ, hoặc chép tiểu-sử, hoặc viết thành

tiền-thuyết, đều làm nổi bật cái tài tiên tri của Trạng lên, mà quên mất cái địa vị cùng là sự hành động của Trạng trong hoàn-cảnh xã-hội nước ta hồi ấy.

Cho nên, ở đây chúng tôi đánh bạo thử xét qua hoàn cảnh đương thời, rồi do nơi địa vị xã-hội của Trạng mà làm phê-bình đến mọi hành-vi của Trạng trong đời công cũng như trong đời tư.

Một tấm lòng thành-kính đối với công-nhân, trong khi viết, chúng tôi cố giữ sao cho khỏi thiên-vi. Còn đúng hay sai, ấy lại là quyền ở bạn đọc xét đoán.

Phù Khê, sau lối Trưng Thu  
năm Giáp-Thân hai ngày

(3 Octobre 1944)

**Chu-Thiến**

---

1) Khoảng năm Ngựa (ngọ) năm Dê (mùi) anh hùng hết.

2) Năm thân, năm Dậu, dở lại thấy thái bình.

3) Khi là năm THÂN, dân gian còn phải khóc lóc khổ sở,

Gà là năm DẬU dân gian sợ sác.

Chó là năm TUẤT bắt đầu mừng thấy thái bình

Lợn là năm HỢI trộm họ sẽ no nê, vui vẻ sống một cuộc đời rất nhàn hạ sung sướng.

CHƯƠNG I

**DUYỆT MỘT ĐOẠN SỬ'**



Trước khi khảo đến tiền-sử và vị-trí  
Trạng Nguyễn-Bình-Khiêm, ta cần phải  
biết qua về tình-hình xã-hội thuở ấy,  
nghĩa là cái thời-thế mà Trạng đã bị bắt  
buộc sống theo ít nhiều khuôn khổ. Thời  
thế lúc ấy là một thời thế rối-loạn vào  
bực nhất trên lịch-sử nước nhà. Giá  
tin ở sự tuần hoàn hợp lý của vận hội  
bĩ cực thái lai, hết thái rồi lại trở về  
bĩ, ta tất phải công-nhận cái cảnh hỗn  
loạn lăm than trong thời Lê Mạc giao  
tiếp là một sự dĩ-nhiên sau một thời  
thái-bình toàn-thịnh khoảng Quang-Thụy,  
Hong-đức, dưới triều vua Lê-Thánh-Tông  
(1460-1497). Nhưng nhứtrang-thái cuộc  
đời phải đau đều tuần-tự nhất định một  
cách máy móc như vậy. Nó uyển-chuyển  
và biến hóa vô cùng. Nó bày ra những  
cảnh thịnh hay suy; xấu hay đẹp, đều

## TUYẾT-GIANG PHU-TU

do tự loài người có ý thức hay vô ý thức gây nên. Nghiên cứu về sự thịnh suy của triều-đại Hồng-Đức, chúng tôi đã viết trong quyển « Lê-Thánh-Tông » một đoạn này : « ...Đã đi đến mức tiến-hóa kỹ, mà còn để cho cả một dân tộc giắt lùi lại, chính là lỗi vua Thánh-Tông chưa đủ thành-thực và sáng suốt để trông đến nghìn sau (lược)... Không sáng suốt, ngài quên không đặt ra luật pháp ràng buộc các hoàng-thần, con và cháu ngài vào vòng trật-tự chặt chẽ, nên sau khi ngoài mắt vừa mới tám năm (hết đời Hiến Tông 7 năm, Túc-Tông 7 tháng) trong khi các quan văn võ còn kính cẩn tuân theo pháp-luật, Uy-mục-đế (1505-1509) đã làm loạn trong triều, giết bà nội là Tráng Lạc Thái hoàng Thái hậu tức là chánh cung vua Thánh Tông, giết hại anh em và các chú ruột tất cả 26 người. Rồi từ đấy biết bao lần trong cung biến loạn, ngôi báu chuyển sang họ Mạc, gây ra cuộc Nam Bắc giao tranh, biến ra cuộc Trịnh Nguyễn tranh hùng, liên miên trong 300 năm giờ, không lúc nào

## TUYẾT-GIANG PHU-TU

là trên thượng tầng tổ-chức được yên-  
đn, làm cho dân tộc Việt-nam phải giết  
lại mãi...»

Thật vậy, vua Thánh-Tông đã có công  
và có tài tổ-chức lại nền chính-trị, ban  
hành những điều luật rất công bằng và  
nhân đạo — mà ngày nay ta còn vẫn  
thấy, — đưa dân chúng Việt-Nam đến  
một trình-độ văn-minh rất cao, sống một  
cuộc đời sung sướng đầy hạnh phúc trong  
vòng trật tự êm đẹp. Thế mà chỉ vì  
thiếu thành thực và sống suốt, ngài tự nhận  
minh là *con giời* và hoàng-gia là một  
gia đình đặc-biệt, thông cảm được với  
giời, không lẫn lộn với toàn dân, nên  
không để hoàng-gia chịu chung luật pháp  
với dân chúng. Không những thế, lại  
còn không có cả một mô pháp luật nào  
khác nữa để giữ các hoàng-tử, hoàng-  
tôn trong vòng trật-tự và nghĩa-yu: Họ  
vẫn được sống ngoài vòng  
pháp luật. Gia-dĩ, ngài lại không hề nêu  
ra cho vị nhân quân những quyền-baub  
nhất định và những bản phận nhất định.  
Vì vậy, nên sau khi ngài qua đời chưa

## TUYET-GIANG PHU-TU

đầy tám năm Uy-mục-đế mới có thể làm loạn trong triều, giết bà nội, giết các chú ruột và các anh em. Kinh-vương Kiến là con út vua Thánh-Tông, phải bỏ trốn đi đâu mất, không ai rõ tung tích. Tình-trạng lúc ấy thảm-thương đến nỗi có kẻ vô danh phải đóng mối thương gian, liền viết một bài thơ gán ở Quảng văn đình. Một bài thơ đầy vẻ mỉa mai thương tiếc :

Quốc quân bạo bệ, bính nịnh thần !  
Chư vương hà sự tác khôi trần !  
Cao hoàng sự nghiệp khem thụy lệ,  
Xĩ tặc sơn hà chuyển tại nhân !

國君暴兮聽佞臣  
諸王何事作灰塵  
高皇事業堪垂淚  
社稷山河轉在人

Tạm dịch là :

Vua dốt cả nghe nịnh thần,  
Chư vương hà sự bị phân do thần !

## TUYẾT-GIANG PHỤ-TU

*Thương ôi ! Sự nghiệp Cao-hoàng !  
Non sông xã tắc đời sang tại người !*

Vị vua ở trên đã ác nghiệt và làm loạn như vậy, thềm hạ tất nhiên nuôi trong lòng một mối bất phục. Rồi nhân Giản-Tu-Công tên là Thanh, (cũng là cháu Vua Thành-Tông, anh em con chú Uy-mục) bị bắt giam, đút tiền cho người canh ngục được ra, trốn vào Thanh-hoa, bọn Nguyễn-Vấn-Lang là em Tráng Lạc Thái-bậu mới suy-tọa lên làm Minh-chủ giấy quân ra đàn. Bọn triều quan trung-thành với Uy-mục, đem quân chống lại. Lòng dân bắt đầu phân-chia từ đấy. Sau Giản-Tu Công thắng, lên làm vua tức là Trương-Dực đế (1510 - 1516). Trương-Dực không hơn gì Uy-mục, giết hại hoàng-thân mười lăm người, tư-thông với các eung-nhân triều trước, sai lên thợ Vũ-Như-Tô làm cái diệp một trăm nóc, xây Cửa-Trùng đài, làm nao lỗ tiễu của, chét hại nhiều người. Cho nên trong nước giặc đã nổi lên khắp cả mọi nơi. Ở đất Kinh-bắc có Thâu-Duy-Nặc, đồ Đổng

## TUYỆT-GIANG PHU-TU

Tiến - Sĩ, đổi sang chức võ, làm đến  
Cầm-Y-Vệ doãn sứ triều vua Uy-mục  
cùng với bọn Ngô-Vân-Tông khởi binh  
làm loạn ở Yên-Phong, Đông-ngân; Ở  
Sơn-Tây có Trần-Tuân, là cháu quan  
Lai-bộ Thượng-thư Trần Cảnh, nổi lên  
danh phá. Đại-Nghệ-ao thì có Lê-Hy,  
Trịnh-Hương Lê-Vấn-Triệt làm phản. Lại  
còn Phùng-Chương ở Tam-dào, Trần-  
Công-Ninh ở An-lãng đều hùng cứ một  
nơi không chịu mệnh lệnh Triều-đình.  
Nhưng mạnh hơn hết có lẽ là Trần-Cao  
khởi binh ở Thủy-đường đánh lấy Hải-  
dương, Đông-triều, rồi tự xưng là vua  
Đế-Thích giáng sinh, thiên-hạ theo về kẻ  
có hàng vạn người. Tình-hình dưới dân  
chúng đã như vậy, bộ máy chính-trị  
trong Triều cũng không còn có vẻ gì  
là duy nhất nữa. Năm Tân-Mùi (1511)  
Trần-Tuân khởi loạn đánh phá vùng  
Sơn-Tây, dấy kinh-dò sợ hãi chạy đi  
cả. Vua Tương-Dục sai bọn Lê-Đình-Chí,  
Nguyễn-Duy-Thốc, Nguyễn-Lý-Quang đi  
khám xét đề ngáo cấm lại. Bọn Lê-Đình-  
Chí, cả thầy năm người vội cho vợ con

## TUỆT-GIANG PHU-TỪ

chạy về quê trước. Việc bại lộ Vua Trương-Dực tức giận sai giết chết cả bọn. Như thế đủ tỏ lòng người không còn tin tưởng gì nữa, từ trên đến dưới, ai nấy cũng chỉ nghĩ đến tư lợi mà thôi. Đến khi Trần-Cao đem quân về đóng ở Bồ-đề, chực tràn sang lấy kinh-đô, nhân dân lại một phen sợ hãi chạy chốn. Sau vua phái sai An-hòa hầu Nguyễn-Hoảng-Dụ là con Nguyễn-Văn-Laug, đem quân sang đóng ở Bồ-đề để chống giữ. Tuy thế mà vua Trương-Dực vẫn không đổi tính nết gì cả. Nguyễn-Quận-công Trịnh-duy-Sản có công đánh phá giặc Trần-Tuán và các nơi, chỉ vì can Vua mà phải đánh, đem lòng tức giận, bèn mưu với Lê-Quảng-Độc, Trịnh-Chí-Sâm, nửa đêm giả tiếng đi đánh giặc, đem quân vào nội, đuổi vua đến ao Chu-tước bên cạnh Văn-miếu, rồi sai lực sĩ đâm chết.

Bọn Trịnh-Duy-Sản đã giết vua Trương-Dực rồi, liền hội triều-đình định lập con Mục-Ý-Vương là Quang-Trị mới có tám tuổi, nhưng Võ-tả-hầu Phùng-Mại bàn

## TUYỆT-GIANG PHỤ-TU

nên lập cháu ba đời vua Thành-Tông tên là Ý, con Cầm-Giang-Vương, đã 14 tuổi. Bọn Trịnh-Duy-Sản bắt Phùng-Mại chém ngay ở chỗ nghị sự, rồi lập Quang-Trị. Quang-Trị mới làm vua được ba ngày, chưa kịp đổi niên-biểu thì bị Trịnh-Duy-Đại là anh Trịnh-Duy-Sản đem vào Thanh-hóa. Vào đây được mấy ngày Quang-Trị lại bị giết.

Nguyễn-Hoảng-Dụ ở bên kia sông, được tin Trịnh-Duy-Sản đã giết vua Tương-Đức, bèn đem quân về đổi kinh-thành và bắt tên Vũ-Như-Tô là người đốc việc làm đồn đài cho vua Tương-Đức đem chém ở ngoài thành.

Lúc ấy bọn Trịnh-Duy-Sản đã lại lập con Cầm-Giang-Vương là Ý lên làm vua tức là Vua Chiêu-Tông (1516-1522). Trịnh-Duy-Sản vội rước vua về Thanh-hóa. Trần-Cảo thấy kinh-dô rối loạn liền tiến quân sang, đánh bãm thành rồi tiếm biểu làm vua. Hoảng-Dụ chạy vào Thanh-hóa xin hàng. Triều-đình cử Trịnh-Duy-Sản, Nguyễn-Hoảng-Dụ, Trịnh-Tuy, Trần-Châu chia đường ra đánh lấy Đông-Kinh.



## TUYET-GIANG PHU-TU

Trần-Cảo phải bỏ thành chạy lên vùng Lang-sơn Thái-Nguyên. Vua Chiêu-Tông giận về Kinh sai Trịnh-Duy-Sản đuổi đánh Cảo. Duy-Sản khinh địch bị giặc giết chết. Trần-Cảo lại về đóng bến Bồ-đề. Vua sai Thiết-Sơn-Bá Trần-Châu đem quân đánh tập hậu phá vỡ ten quân giặc. Trần-Cảo lại phải chạy về Lang-Nguyên, và thấy sự nghiệp không thành, bèn nhường quyền lại cho con tên là Thăng, cất tước đi tu rồi chết ở đấy.

Hoảng-Dụ với Trịnh-Tuy đi đánh giặc về, rồi vì tranh công mỗi người đóng mỗi nơi để chống lẫn nhau. Hoảng-Dụ đem quân đánh Trịnh-Tuy ở kinh đô, Tuy thua chạy vào Thanh-Hóa. Trần-châu thấy Hoảng-Dụ đánh đuổi Tuy liền dẫn quân đến đánh Hoảng-Dụ. Hoảng-Dụ cũng phải chồn về Thanh-Hóa. Vua sai Mạc-Đặng-Dung đi đánh Nguyễn-Hoảng-Dụ. Nhưng đến nơi, Đặng-Dung tiếp được thư của Hoảng-Dụ viết riêng cho mình, bèn không đánh nữa đem quân về đóng ở Hải-Dương.

Bấy giờ Trần-Châu đã đánh được Trần-

## **TOYET-GIANG PHU-10**

Gần, đuổi Hoảng-Du, cầm cả quyền binh trong triều. Có người nói Trần-Chân dấp tằm làm phản, vua Chiêu-Tông bèn với Trần-Chân vào trong cấm điện sai võ-sĩ trói lại chém đi. Bộ tướng của Trần-Chân là bọn Hoàng-Duy-Nhạc, Nguyễn-Kính, Nguyễn-Áng nghe tin chủ tướng bị giết liền đem quân vào đánh phá kinh thành. Vua phải chạy sang Gia Lâm. Hôm sau chạy sang làng Dương Quang (thuộc huyện Siêu-Loại, Bắc-Ninh) cho người vào Thanh-Hóa với Nguyễn-Hoảng-Du ra đánh giặc. Hoảng-Du không ra, vua phải cho người về Hải-Dương gọi Mạc-Đãng-Dung. Đãng-Dung đến nơi, đóng quân thủy ở sông Nhị-Hà, rồi vào yết kiến vua. Đãng-Dung cho người mật dụ bọn Nguyễn-Kính Nguyễn-Áng về hàng. Bọn này xin vua giết những người dèm Trần-Chân là Chử-Khải, Trịnh-Hưn và Ngô-Bính rồi sẽ xin đầu hàng. Vua bắt ba người đem giết đi, nhưng bọn tên Kính tên Áng vẫn không giải binh. Thế giặc vẫn mạnh, lại có Trịnh-Túy và Nguyễn-Sứ làm phản thông với bọn tên Kính, lập Lê-Do làm vua, đóng

## TUYẾT-GIANG PHŨ-TŨ

hành-diện ở Từ-Liêm. Đấng-Dung thấy làng Dương-quang xa sông, đi lại không tiện, xin vua về bến Bồ-Đề để qua thủy hầu hạ cho tiện. Về Bồ-Đề tháng tám, tháng chín, Đấng-Dung cho là gần đất giặc lái xin vua về Bảo-Châu (nay là hải Túc-Tông thuộc Đại-Lý Hoàn-Long). Đỗ-Ngự - Sử Bồ-Nhạc và Thêm-Đô Ngự-Sử Nguyễn-Dư đều can ngăn. Đấng-Dung giận sai Đinh-Mông hải Đỗ-Nhạc Nguyễn-Dư giết ở ngoài cửa Bắc bành-dinh làng Xuân-Đỗ. Các quan đều sợ run cả, bèn rước vua về Bảo-Châu. Đấng-Dung bắt đầu chuyên quyền từ đây. Vua sợ Đấng-Dung, lại phải cho người gọi Nguyễn-Hoàng-Du lần nữa. Hoàng-Du đem binh từ Thanh-Hóa ra cùng với Đấng-Dung đánh giặc. Nhưng Hoàng-Du đánh thua lại phải rút quân về.

Năm sau, Kỷ-Mão (1519) Mạc-Đấng-Dung trừ được bọn Lê-Đe và Nguyễn-Sư, rồi lại thu hàng được bọn Hoàng-Duy-Nhac Nguyễn-Kinh và Nguyễn-Áng đem về làm vây cánh cho mình. Ngày 20 tháng chín vua về kinh, phong thưởng cho Đấng-

## TUYET-GIANG PHU-TU

Dung và các quan có công dẹp loạn Bình quyền từ đây về cả Đàng-Dung.

Năm Tân Ty (1591) vua phong Đàng-Dung làm Nhân-quốc-công, liệt chế cả 13 đạo quân thủy bộ. Đàng-Dung uy quyền càng hống bách, ra vào cung cấm, kiểm duyệt ngibi vệ Thiên-tử; các quan có ai can ngăn đều bị giết cả. Vua Chiêu Tông thấy thế mới âm mưu với bọn nội thần Phạm-Hiến, Phạm-Thứ để đánh Đàng-Dung, lại cho người vào Thanh-Hóa hẹn với Trịnh-Tuy đem quân ra làm ngoại ứng. Canh Hai đêm hai mươi tháng bảy năm Nhâm-Ngọ (1522) vua chạy ra cửa Tây, lên huyện Minh-Nghĩa thuộc Sơn-tây, để thu xếp binh mã đánh họ Mạc. Sáng hôm sau, Đàng-Dung mới biết vua xuất ngoại, liền sai Hoàng-Duy-Nhac đem quân đuổi theo; lên đến Thạch-Thất, Duy-Nhac bị quân ở đây bắt được giết đi.

Tháng tám, Đàng-Dung họp các quan trong triều lập em vua là Thương lên làm vua tức là Cung-Hoàng (1522-1527). Sợ vua Chiêu-Tông đem viện quân về đánh,

## TUYET-GIANG PHU-TỔ

Đặng-Dung rước Cung-Hoàng về huyện Gia Phúc, Hải-Dương, lập hành-điện ở ngay trong huyện. Ngày 11, Chiêu-Tông được hào kiệt các nơi giúp, tiến về kinh đô, ngày 16 thiết đại-triều ở điện Đôn-quang. Đặng-Dung được tin chia quân thủy bộ tiến lên hấn Đông-Hà, thẳng vào điện Đôn-quang. Vua Chiêu-Tông vội tránh về làng Nhân-mục (làng Mọc) rồi chạy lên chùa Trùng-quang ở làng Thiên-Mỗ, huyện Từ-Hiểm (nay là phủ Hoài-Đức) và cho người vào Thanh-Hóa gọi Trịnh-Tuy ha hồn lữ. Nhưng Trịnh Tuy còn do-dự mãi không ra. Ngày 20 tháng chạp, Chiêu-Tông lui tiến về kinh đô, đóng ở phía tây thành làm hành-điện ở làng Hạ-Yên-Quyết để thiết triều. Ngày 18 tháng 10, Trịnh-Tuy cùng với Trịnh Duy-Tuấn đem hơn một vạn quân ra đến nơi để giúp vua lại nghe lời hoạn-quan Phạm - Điền đem, bắt thuộc tướng của Trịnh-Tuy là Nguyễn-Bá-Kỷ đem giết đi. Trịnh-Tuy tức giận nửa đêm đem quân đến hành-điện bắt hiếp vua Chiêu-Tông về Thanh-Hóa. Cũng ngày

## TUYẾT-GIANG PHU-TU

hôm ấy, Mạc-Đãng-Dung rước Cung-Hoàng từ Gia Phúc về Kinh. Năm sau Quý-mùi (1523). Đãng-Dung tuyên cáo giáng Chiêu-Tông xuống làm Đa-dương-vương. Năm Ất-dậu (1525), Đãng-Dung thân đem quân vào Thanh-Hóa đánh Trịnh-Tuy. Trịnh-Tuy thua trận chết, Đãng-Dung bắt được Chiêu-Tông ở châu Lương-Chiêu, phủ Thanh-Đô đem về an-trị ở Đông-Hà (thuộc huyện Thọ-Xương). Đến ngày mồng tám tháng mười một năm Bình-Tuất (1526) Đãng-Dung mật sai Bái-Khê-Bá là Phạm-Kim-Bảng đem giết Chiêu-Tông ở làng Vĩnh-Hưng huyện Thanh-Trị. xong công việc, Đãng-Dung về nghỉ ở Cỗ-Trai. Năm Đinh-Hợi (1527) Cung-Hoàng sai sứ về làng tiến phong Đãng-Dung làm An-nam quốc-vương. Tháng sáu, Đãng-Dung vào kinh sai lũ quan Lại bộ Thượng-thư trước Vạn-Xuyên-Bá Phạm-Vân-Hoán, (sống ở Phú-Lưu huyện Thiên-Lộc (Nghệ-An), Đông-các Đại-học-sĩ trước Đạo-xuyên-bá Nguyễn-văn-Thái, Bảng nhãn, người Tiền-Liệt huyện Vĩnh-Lai Hải-Dương) và Trạng nguyên Hoàng-Văn-

## TUYẾT GIANG PHU-TỬ

Tán (người Xuân-Lôi, huyện Võ-Giang) lên ngôi chiếu trên trời. Ngày mười bảy, Đãng-Dung hỏi các quan tuyên đọc chiếu chiếu hất Cung-Hoàng trên trời. Đãng-Dung tiến vì làm vua, đổi niên hiệu là Minh-đức, giáng Cung-hoàng xuống làm Cung-vương. Ngày rằm tháng sáu nhuận, Đãng-Dung sai người hất Cung-hoàng phải tự-tấn. Thái-hậu cũng bị giết. Thế là ngôi báu nhà Lê đổi sang tay họ Mạc.

Thuật lại dài-giờng đoan lịch-sử này, ta nhận thấy rằng trong khoảng thời gian ngắn ngủi có hơn 20 năm giới (từ Uy-mục 1505 đến hết Cung-Hoàng 1527) đã xảy ra liên miên biết bao nhiêu là cuộc tranh giành cướp xé. Chỗ triều đường không còn là nơi cầm cân nảy mực cho trăm họ nữa. Ở đây chỉ toàn thấy có mưu mô và cường quyền. Cả một trào lưu vụ lợi tràn khắp từ trên chí dưới. Các quan trong triều ngoài nội đều vì tư kỷ sinh thù ghét, tìm cách khuyếch loát lẫn nhau. Không ai nghĩ đến dân đến nước cả. Ở thượng tầng tổ chức đã như vậy, dưới hạ tầng cũng bị ảnh

## TUYẾT-GIANG PHÚ-TỬ

hàng theo. Những người chính nhân quân tử không còn đủ quyền lực hiện triệu dân chúng đi theo đường phải. Những phần tử xấu xa được đủ điều kiện thuận-tiện để nảy nở lan tràn, đua nhau đi su-phu những kẻ quyền gian, thay chủ thờ như thay áo rách. Lòng dân đã chia rẽ như thế, xã hội đã rối loạn tự trên lại càng rối loạn thêm, càng ngày càng rời xa về duy-nhất trước kia. Cho nên những bậc tâm-huyết như các ông Lai-bộ Thượng-thư Trọng-nguyên Vũ-Duyệt, Lai-bộ Thượng-thư Bằng-chôn Ngô-Hoán, Đô-ngự-sứ Nguyễn-Văn-Vạn, Hàn-lâm Hiệu-lý Nguyễn-Thái-Bạt, Lễ-bộ Thượng-thư Lê-Tuấn-Mân, Lai-bộ Thượng-thư Đàm-Thần-Huy, Tham-chánh-sứ Nguyễn-Duy-Tường, Quap-sát-sứ Nguyễn-Tự-Cường, Bình-hỗ-bá Nghiêm-Bá-Ký, Đô-ngự-sứ Lại-Kim-Bảng, Hộ-bộ Thượng-thư Nguyễn-Thiệu-Tri, Phó-đô-ngự-sứ Nguyễn-Hữn-Nghiêm, Lễ-hộ Tả-thị-lang Lê-Vô-Cương... đã hết sức tìm mưu kế giúp loạn mà công cuộc cũng đều thất bại. Rồi cuộc, các ông đánh



## TUYET-GIANG PHU-TU

phải bỏ tay, đi đến con đường liên-cục, đem toàn thể ra đánh vào cờ cuối cùng người thi nhỏ vào mặt Đãng-Dang, người thi mắng nhiếc lấy đá ném vào gian tặc rồi bị giết, người thi nhẩy xuống sông mà chết, người thi ở nhà mặc dù triều phục quay đầu về Lam-Sơn lấy tạ rồi tự tử, người thi giấy quân đánh lại giặc thua trận bị giết chết. Các ông quá thụ-động vào hoàn cảnh nên bị thua thối cuộc, song cái lòng chí thành cũng đã đánh dấu được lịch sử và nêu sáng con đường chính cho lớp người sau. Tuy nhiên một số ít người ấy dĩ-nhiên là không thể cân nổi cái trào-lưu rối loạn nó đang tràn ngập khắp cả mọi tầng-lớp trong xã-hội.

Nguyễn-Bình-Khiêm lón lón vào giữa khoảng thời gian ấy, được trông thấy hiện-tình rối loạn của xã-hội, chỗ nào cũng được mục kích thảm-họa của chiến-tranh, nên chán đời không muốn ra làm quan, đi ẩn dạy học-trò để đào-tạo lấy lớp người giúp nước sau này. Thương cảm vì tình trạng trăm họ lúc bấy giờ,

TUYỆT GIANG PHU-TU

Bình Khiêm ngụ ý vào một bài thơ rằng:

Tài hòa vũ-trụ bắt Ngụ, Chu,  
Hỗ chiến giao tranh tiêu lương thò.  
Xuyên huyết sơn hải tùy xứ hữu,  
Uyển ngư lung tức vị thủy khu,  
Trúng hưng dĩ bỗ độ giang mã.  
Hậu hoạn ung phòng nhập thất khe  
Thế sự đảo đảo hưu thuyết trước,  
Tùy ngâm thâm bạo nhậm nhân du,

泰 和 字 庙 不 虞 周  
互 戰 交 争 笑 两 讐  
川 血 山 骸 隨 處 有  
淵 魚 業 雀 爲 誰 驅  
重 興 已 卜 渡 江 馬  
後 患 應 防 入 室 貙  
世 事 到 頭 休 說 著  
醉 吟 深 畔 任 閒 遊

## TUYET-GIANG PHU-TU

Dịch là :

Thái hòa nào phải thuộc Ngụ, Chu,  
Chinh-chiến kia ai những mối thù !  
Xương núi, máu sông từng chỗ khắp,  
Sẽ rùng cá vực vị ai khua ?  
Ngựa về qua bến còn khi gộp,  
Cáo sẽ vào nhà sợ vạ chưa ?  
Thế sự đảo điên thời chẳng nói,  
Say, ngấm bờ vắng mặc nhân du !

Lời thơ giàu dị mà đầy vẻ ngán đời  
xuất thế. Ấy thế mà sau nay, Bình-  
Khiêm cũng không danh ngành mặt làm  
thinh được, lại phải bước vào trường  
chính-trị để mưu toan những việc cải  
tổ lại xã-hội.

Trường hợp nào đã kéo được Bình-  
Khiêm vào đời hoạt-dộng và sự nhập  
thế của ông có dễ được ảnh hưởng gì  
không ?

Để đi tìm thấy những quan-diểm ấy,  
trước hết ta phải biết đến thân thế  
ông đã.

CHƯƠNG II

TIỂU SỬ

Nguyễn-Bình-Khiêm. 阮秉謙 búp là Văn-Đạt, 文達 hiệu là Bạch-Vân Cư-sĩ, 白雲居士 người làng Trung-Am huyện Vĩnh-Lại tỉnh Hải-Đương. Ông búp Văn-Tĩnh, được truy-tặng Thái bảo Tư-quân-công, bà là Phạm-thị Trinh-Huệ được ấm phong Chích Phu-nhân. Cha là Văn-Định, tặng wóc Thái-Bảo Anh-quân-công, có văn tài sang chức Thái học-sinh (tức là học trò trường Quốc tử-giám), đạo hiệu là Cổ xuyên tiên-sinh. Bà thân-sinh ra Bình-Khiêm, họ Nhữ. Ấm phong Từ-Thực Phu-nhân, con gái quan Thượng-Thư Nhữ-Văn-Lan, người làng Yên Tử huyện Tiên-minh, cùng tỉnh Hải-Đương. Bà bẩm tính thông-minh, thông kinh sử, giỏi văn-chương, lại tinh lý số, biết xem tướng; đương lúc thịnh-trị đời Hồng-

## TUYẾT-GIANG PHU-TU

Đức, bà chiêm nghiệm suy tính biết hơn bốn mươi năm sau có cuộc thay đổi. Bà có chí muốn tạo-thời (nghĩa là muốn kén lấy người chồng có tướng sinh con đáng vì thiên tử để dựng lại thời thế). Bởi thế mãi đến ngoài hai mươi tuổi vẫn còn kén chồng. Đến khi gặp ông Văn-Định thấy có tướng sinh quý tử mới chịu lấy. Bây giờ bà đã gần ba mươi tuổi.

Một hôm bà ngồi chơi ở bến dò Tuyết-Hàn, thấy một thiếu niên sang đó, bà ngạc-nhiên than rằng :

— Trước kia sao không gặp, bây giờ còn đến đây làm gì ?

Sau bà hỏi họ tên mới biết là Mạc-Đãng-Dung, trong bụng cứ phàn nàn tiếc không gặp con người có tướng đế vương ấy trước khi chưa lấy chồng.

Năm Tân-Hợi, niên hiệu Hồng-Đức thứ 22 (1592) đời vua Lê-Thánh-Tông, bà sinh ra Nguyễn-Bình-Khiêm, minh to nhưn, tướng mạo khôi ngô, chưa đầy tuổi tôi đã biết nói. Một buổi sáng, Văn-Định đi ra chơi ngỗ, Bình-Khiêm bỗng nói:

## TUYET-GIANG PHU-TU

— *Ồ! một giờ học đặng Đông!*

Văn-Định kinh lạ về nói với vợ, Nhữ-thị riêng có ý mừng. Năm lên bốn tuổi bà dạy học chính văn kinh truyện, Bình-Khiêm đọc qua là thuộc lòng ngay, lại học truyện khẩu mấy chục bài thơ quốc âm.

Một buổi bà cu đi vắng, ông cu ở nhà kéo giây, đánh quyền đùa với con, ngâm một câu rằng :

*« Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung... »*

Ông chưa biết tiếp thế nào thì Bình-Khiêm ở bên đọc nối ngay :

*« Vịn tay tiên nhẹ nhẹ rưng! »*

Ông cu mừng lắm. Khi bà cũ về liền thuật lại cho nghe. Bà cu giận trách chồng rằng :

— Nguyệt là tượng bày tôi, sao ông lại dạy con câu ấy?

Ông cu thẹn xin lỗi mãi. Nhưng bà cu vẫn để tâm, bỏ về ở quê nhà để tỏ nỗi bất mãn.

Nhờ lên Bình-Khiêm nhập môn học quan Bảng-nhữn Thượng-Thư Lương-Đắc-Bằng. Quan Bảng Lương người làng Hội-Trào, huyện Hoảng-Hoá, tỉnh Thanh-Hóa,

## TUYẾT-GIANG PHU-TU

đỗ Hội-nguyên Bằng-Nhôn khoa Kỷ-Mù Cảnh-Thống thứ hai (1498), làm đến thượng Thư bộ Lại, tước Đôn-Trung-Bá. Khi phụng-mệnh sang sứ Tàu, Lương gặp được người cùng họ là con cháu Lương-Nhữ-Hối (người Nam hàng Minh bởi thuộc Minh, được phong tước Lăng-Lãng-Vương) đưa tặng bộ *Thái-Ất Thần-Kinh*. Lương đem về khảo-cứ tinh vi, nhưng chưa tìm được người để truyền lại.

Bình-Khiêm đến học được ít lâu, vẫn chương lừng lẫy, nổi tiếng là thần đồng, quan Bằng Lương liền đem bộ sách ấy truyền cho. Bình-Khiêm nhận lấy nghiên cứu thêm tinh thông về lý học. Ít lâu sau, Lương ốm nặng, giao con là Lương-Hữu-Khánh lại cho Bình-Khiêm dạy dỗ. Lúc ấy nhằm vào giữa khoảng Quang-Thiệu đời Chiêu-Tông, thiên-hạ đang rối loạn, Bình-Khiêm ẩn cư dạy học không quan tâm gì đến việc nước cả, mới làm ra bài thơ thuật ở trên kia.

Khi ngôi hâu đã chuyển sang họ Mạc rồi, bốn phương tạm yên. Vua nhà Mạc nghĩ đến đường văn-trị, liền xuống chiếu



## TUYET-GIANG PHU-TỬ

khắp trong ngoài mở khoa thi kén người tài giỏi. Các bạn bè thân thích đều khuyên Bỉnh-Khiêm ra ứng thi. Ông suy biết nhà Lê lại trung-hưng lên được, nên-ngữ không muốn ra làm quan với nhà Mạc. Nhưng bạn bè cứ một mực khuyên, nên đem tài ra giúp đời trị dân. Và trên lại còn có mẹ già ngoài bảy mươi tuổi, nhà nghèo, không đủ lễ-nghĩ báo dưng, ông suy-lưu dẫn đo mãi rồi mới quyết chí vào đời, định đem số học binh sinh ra kinh bang tế thế. Lúc ấy ông đã bốn mươi bốn tuổi mới ra thi Hương, đỗ Giải nguyên khoa Giáp Ngọ năm Đại chính thứ năm (1534). Năm sau Ất-mùi ông vào thi Hội bốn kỳ đều nhất, đỗ Hội-nguyên; Vào Đình-dối đỗ Trạng-nguyên. Từ Hương thi đến Đình thi ông đều đỗ đầu. Vua Thái-Tông Đăng-Doanh sá mừng, đặc cách cử làm Đông-các Hiệu-thư. Thái-Tông sai họa hai bài thơ ngự chế đều được ưu bang, liền cử làm Hình-bộ Tả Thị-lang. Ít lâu lại đổi sang Lại-bộ Tả-Thị lang kiêm Đông-các Đại-học-sĩ. Ở Triều ít lâu, Trạng thấy

## TUYẾT-GIANG PHU-TU

mọi việc đều không được như ý mình mong mỏi, bọn gian là cũng vẫn công nhiên dự việc binh, Trang bèn dâng sớ xin chém quyền-thần mười tám người. Sớ tâu vào không được xét đến, lại nhân con rể là Phạm-Giao cùng với cha là Phạm-Quỳnh cũng thuộc vào bọn quyền-thần ấy, Trang khuyên bảo không được, bèn thác bệnh xin về tri-sĩ. Ấy là năm Nhâm Dần, hiệu Quảng-hòa thứ hai (1541) đời vua Tuyên-Tôn Phước Hải. Vua Phước-Hải không giữ lại được danh phải chuẩn cho và gia phong làm Trinh-Tuyên-hầu (Vì thế ta mới quen gọi là Trang-Trinh).

Trang Bình Khiêm về làm cái am Bạch-vân ở bên tá lang Trung-am, nhân tự hiệu là Bạch-vân cư sĩ; dựng hai cái cầu là Nghinh-Phong và Trường-Xuân để làm nơi nghỉ mát, và xây một cái quán ở bên sông Tuyết-giang gọi là quán Trang-Tân, có soạn bài văn bia khắc vào bia đá để khuyên răn người đời (xem bài văn bia ở phần văn thơ).

Trang đã về tri sĩ rồi, nhưng nhà Mạc vẫn tôn thờ như bậc thầy, trong Triệu

## TUYET-GIANG PHU-TU

gò công việc gì trọng đại vẫn phải sai sứ về hội tậi nhà. Trang về tri-sĩ ở nhà được bốn mươi tư năm.

Ngày 28 tháng một năm Ất-Dậu biệi Sùng-Khang thứ năm (1586) đời vua Mạc-Mậu-Hợp, Trang mất, thọ 95 tuổi, an táng tại bãi làng Trang-am.

Các học trò truy tôn Trang là *Tuyết-Giang Phu-Tử* 雪江夫子.

Vua Mạc bấy giờ là Mạc-Mậu-Hợp sai Khiêm-Vương Mạc-Kinh-Điều làm Khâm-sai đem các quan về dụ tế, truy phong Trang Bình Khiêm làm Lại-bộ Thượng-ta, Thái-Phó, Trinh-quốc-Công.

Tháng giêng năm sau (1587) vua Mạc phát cho sứ-tại ba nghĩa quan tiền lập đền thờ và cấp một trăm mẫu tự-điền. Đền ấy làm ngay trước cửa dinh Trang, vua thân viết mấy chữ đề là :

*Mạc Triều Trang-Nguyên, Tề Tương tử.*  
Đền quan Trang-Nguyên ở Tương-triều Mạc  
Trang Nguyễn-Bình-Khiêm có ba vợ :  
Chính phu-nhân Dương-thị biệi là Thuần-  
Ỗ, người làng Hà-giang cùng huyện Vĩnh-  
lại, là con gái quan Hiob-bộ Tá Thị-lang

## TUYET-GIANG PHU-TU

Dương - Đức - Ngạn, Thứ phu - nhân họ Nguyễn, hiệu Nhu-đĩnh, Á phu-nhân, họ Nguyễn hiệu Yi-linh. Sinh hạ được bảy con trai, năm con gái. Con trai cả là Hàn-giang Sứ-sĩ, ấm phong Trung-chính đại-phu làm quan đến Hiến-phó. Con thứ hiệu Tây-am tiên sinh, ấm phong Triều-liệt đại-phu, có quân công, được phong tước Quảng-Mậu hầu. Con thứ ba ấm phong Hiền-cung đại-phu, có quân công, tước Nghĩa-Xuyên bá ; con thứ tư là Thuần-Phu ấm phong Hoằng-nghị đại-phu, có quân công tước Quảng-dô hầu ; con thứ năm là Thuần-Đức có quân công tước Bá-thứ hầu. Con thứ sáu là Thuần-Chính có quân công tước Quan-lực hầu.

Một gia đình như thế thật đủ cả tam đa, ngũ phúc,

CHƯƠNG III

**ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

Trang Nguyễn-Bình-Khiêm đã ra ngoài vòng chính trị rồi, tuy tự nhận là cư-sĩ, song lại sống cái đời xã-hội đầy đủ hơn. Với một một tài học uyên-bác, với tấm lòng nhân từ, với cách sống đơn giản gần đại chúng, Trang đã lạ cái nêu cao thẳng cho mọi người, từ kẻ quyền quý đến kẻ thứ dân. Giữa lúc chính quyền chia ra nhiều ngã, lòng người hoang - mang không biết đâu là sở-chí, thì mỗi một lời răn bảo của Trang là một quyết định được vâng theo ngay. Cho nên những kẻ cừu thù nhau trên đường công danh, trên trường chính-trị, những kẻ nắm được quyền hành vô đối, cũng đều phải phục tùng trang và thường thường đến hỏi kế sử sự. Nhào đấy Trang có thể làm sáng tỏ con đường chính, lúc ấy đang bị lu mờ, gọi thiện-căn ở lòng người và

## TUYỆT-GIANG PHU-TU

làm giảm bớt lòng tham lam trọc-lợi đi. Vậy thì cái thù nhân của Trang, mà nhiều người ngày nay vẫn chê trách, — chỉ là bề ngoài mà thôi. Chứ trong nội-giới, Trang vẫn hoạt động để thực hiện chân-lý, vẫn đi sát với đại chúng. Trang phải mượn thù nhân để được tự-do mà làm theo cái chí mình đó thôi. Ta hãy tìm xem Trang hưởng thú nhân như thế nào ?

Trang về làng sửa sang lại các đình chùa trong làng, và giồng cây các vệ đường đê, mở mỗi chợ ngày hai mươi tám tết cho người làng và chung quanh bốn bán. Trang lại hay chơi với các nhà sư, cứ gặp khi nhân hạ và khi giờ mát mẻ, cùng nhau thả thuyền ra chơi bẻ, hoặc ra cửa Kim hải, cửa Úc môn xem đánh cá. Hay cùng nhau lên chơi các nơi danh sơn như núi Đê-sơn, núi Ngọa - vân núi Kish-chủ, núi Yên-tử, đập đá vin cây, chơi chùa ngắm cảnh, gặp chỗ nào cây cao bóng mát, đá phẳng sỏi trong, lại nghỉ ngơi ngắm ngĩa, thích chí ngâm vịnh. Có khi quên cả giờ về.,,

## TRẠNG-GIANG PHU-TRU

Trạng tụy đã về nhà, vua tới nhà Mạc vẫn tôn thờ như bậc thầy, thời thường sai sứ lại thăm viếng và ban cho những đồ ngọc ngà, gấm vóc, vàng lụa, chẳng thiếu thứ gì. Cũng có khi vua Mạc ngự giá thân về chơi nhà. Phạm trong nước có việc gì quan trọng đều sai sứ đến hỏi trạng, hoặc vời trạng về kinh đô bàn bạc. Trạng đều tùy cơ ứng đối, chuông quy bao giờ cũng khuyên lấy nhân đức làm gốc. Triều đình nghe theo kế hoạch của trạng cũng được nhiều điều bổ ích, nên vua Mạc hai ba lần muốn khôi phục Trạng ra làm quan, Trạng đều nhất định từ chối không chịu ra.

Năm Canh-Tuất, niên hiệu Cảnh-lich thứ ba (1552), Vua Mạc Phúc-Nguyên nghe lời cha con Phạm-Quỳnh, Phạm-Giao đem bọn Nguyễn Thiển (có nơi đọc là Sảnh) và thông gia là Phùng-quốc-công Lê-Bá-Lý, âm mưu làm phản. Nguyễn-Thiển với con là Nguyễn-Quyên (con rể Lê-Bá-Lý), Nguyễn Thận, Nguyễn Mãi, cùng Lê-Bá-Lý bỏ trốn vào Thanh-Hóa giúp Lê-Trang-Tông. Nguyễn-Thiển,



## TUYET-GIANG PHU-TU

người làng Canh-Hoach, huyện Thanh-Oai, đỗ Trạng-nguyên khoa Nhâm-Thìn, năm Đại-chính thứ ba (1592) đời vua Mạc-Đãng-Doanh làm quan Lại-bộ Thượng-bư. trước Thu-quân-Công. vốn là bạn chơi với Trang Nguyễn-Bình-Khiêm. Được tin Thiến về Lê, Trang gửi vào cho một bài thơ rằng :

Cố ngã tồn cô duy nghĩa tại  
Tri quân sử biến khởi tâm cam.  
Khí vận nhất chu ly phục hợp.  
Tràng giang khởi hữu hạn Đông Nam.

顧我存孤惟義在  
知君處變豈心甘  
氣運一週離復合  
長江豈有限東南

Dịch :

Ta giữ kẻ cô vì chất nghĩa,  
Ông đương khi biến, há cam lòng.  
Khí vận một vòng ly, lại hợp ;  
Sông dài há có hạn Nam, Đông.

## TUYET-GIANG PHU-TU

Nguyễn-Thiến được thơ, trong lòng cũng  
bùi ngùi.

Đến năm Đinh-tỵ (1557) hiệu Quang-  
Bảo thứ ba, Nguyễn Quyện đánh phá quân  
Mạc rất dữ ở vùng Sơn-Nam, vua Mạc-  
Phác-Nguyên lo lắm, biết Trạng Bình-  
Khiêm với Nguyễn-Qụyện có tình sư đệ,  
liền sai sứ đến hỏi kế. Khi ấy Nguyễn-  
Thiến đã chết rồi, Trạng Bình-Khiêm  
tâu rằng :

— Nguyễn-Qụyện là học trò thân trước,  
hiện nay hắn đang đóng quân ở Thiên-  
Trường (nay là Xuân-Trường), chính đang  
buổi hiềm nghi do dự, sẽ thân dùng  
mưu bắt hắn rồi dụ hắn về với Triều-  
đình !

Vua Mạc cả mừng nhờ Trạng lập kế  
ngay. Trạng Bình Khiêm bèn thả thuyền  
xuống chơi mạn Thiên-trường, sai hơn  
một trăm tráng-sĩ phục sẵn ở bên bờ  
sông phía bắc, rồi sai đưa thư bện  
Nguyễn-Qụyện đến thuyền uống rượu nói  
chuyện.

Nguyễn-Qụyện tiếp được lệnh thầy, lập  
tức ra thuyền bãi kiến. Trạng sai đặt

## TUYỆT-GIANG PHỤ-TU

tiệc khoản đãi, thấy trò uống rượu trò chuyện rất vui vẻ. Nhân lúc rượu ngà-ngà say, Trang cho thuyền chèo vôi về bờ phía bắc, phục binh nổi lên vây quanh thuyền. Nguyễn Quyện ngạc-ngác chưa biết là toán quân nào, toán đứng đây, Trang liền giữ ngai xoống, nhân thuật rõ ý vua Mạc nhờ mình đi dụ, và nói đến ân nghĩa của triều đình trước cũng là sự lợi hại hiện thời. Nguyễn-Quyện nghe lời cúi đầu ngấm nghĩ, bèn đem quân bản bộ trở về với Mạc triều.

Tháng giêng năm Bình-Thìn (1556) hiệu Thuận-Bình thứ 8 triều Lê Trung-Tông (Quang-Bảo thứ ba nhà Mạc), Vua Trung-Fông mất, không có con, Trịnh-Kiểm thừa cơ muốn tự lập làm vua, song còn ngần ngại chưa dám quyết, liền mật sai sứ đem lễ vật ra tận Hải-dương hỏi Trang Bình-Khiêm. Trang không bảo rõ, chỉ quay lại giận lữ người nhà rằng :

— Năm nay mất mùa, thóc giống không được thực, các anh nên tìm giống tốt cũ mà gieo ma !

Nói xong, Trang đứng dậy chống gậy

## TUYET-GIANG PHU-TU

ra chơi chùa. Trinh Sư cũng theo ra. Trạng vào chùa sai nhà sư quét chùa thấp hương, rồi cười bảo rãog :

— Nhà sư chăm chỉ cúng Phật ăn oản nhé !

Ngoài ra không nói gì cả. Trinh Sư hiểu ý về bầm với Thái-sư Trinh Kiềm. Trinh-Kiềm mới đi tìm được người chân năm đời ông Lê-Trừ (tức là anh ruột vua Lê Thái-Tổ) là Duy-Bang lập làm vua tức là vua Anh-Tông (1557 — 1573).

Đồng thời lúc bấy giờ, con Chiêu-Huấn Tĩnh Công là Đoan-Công Nguyễn-Hoàng đang lo sợ anh rể là Thái-Sư Trinh-Kiềm ghen-ghét lập mưu ám hại. Nguyễn-Kim có hai gái là Nguyễn-Uông và Nguyễn-Hoàng và một con gái là Ngọc-Bảo gả cho Trinh-Kiềm. Nguyễn-Kim mất binh quyền về cả Trinh-Kiềm. Nguyễn-Uông bị chết một cách bí mật, Nguyễn-Hoàng ngờ cho Trinh-Kiềm giết, càng lấy làm sợ lắm. Nhân bà mẹ là Nguyễn-phu-nhân, người làng Mậu-xá huyện Từ-kỳ, nghĩ có tình đồng quận với Trạng Bình-Khiêm, liền giục con sai sứ đến

## TUYẾT-GIANG PHŨ-TO

nhờ Trang tìm cho một lối thoát thân. Sứ giả đem vàng bạc làm lễ đến lấy trước án xin Trang ban bảo. Trang chớ không biết, rồi đứng lên chống gậy dẫn Nguyễn-Sử ra vườn chơi. Trong vườn có một rẫy non bõ, xếp bằng hơn chục hòn đá, đá đất lờm-chờm, cây cỏ xanh rì, bình thã tự nhiên coi rất đẹp. Trên núi có một đàn kiến lữn theo rẫy đá mà đi thành một vết dài. Trang cầm gậy chỏ vào đàn kiến đang bò cươi bảo rằng

— Hoành sơn nhất đại vạn đại dung thân (Nghĩa là Đèo ngang một rẫy dung thân muôn đời).

Nói xong, lại chống gậy trở vào, sai làm rượu đãi Nguyễn-Sử rồi tiến về không bảo điều gì cả.

Sử về trình Nguyễn-Hoàng, Hoàng hiểu ý bèn nhờ chị là Ngọc-Bảo nói với Trịnh-Kiểm xin vào trấn thủ đất Thuận-Hóa (tức là rẫy đèo ngang). Trịnh-Kiểm thấy xứ ấy xa xôi hiểm trở, vừa mới rước mang, thổ dân toàn là mừng mọi, thúi thổ còn lam chướng, biết không

## TUYET-GIANG PHU-VU

phải là nơi đất lành, chắc không thể làm nên công-trang gì, bên băng lòng cho Nguyễn-Hoàng đi trấn thủ, có ý mượn ma thiêng nước độc để hại em vợ, cho kẻ mang tiếng với đời sau.

Không ngờ quả như lời Trịnh Bình-Khiêm nói, Nguyễn-Hoàng tới trấn Touan-Hoa lại mở mang thêm một nơi phố-tụ, mà về sau các chùa Trịnh đánh mãi không được. Cho đến bây giờ rầy đèo ngang ấy đã thành xứ Trung-Kỳ thịnh-vượng, một cơ-sở trung-tâm của Triều Nguyễn.

Năm Ất Dậu (1586) Trịnh Bình-Khiêm ốm nặng, biết mệnh không thể sống được nữa, liền thao sư dâng tạ vua Mạc, trong có câu rằng :

*« Thần suy tinh độ số thấy vận nước nhà đã suy, vận nhà Lê đã đến hồi tai tạo, ý giới đã định, sức người khó theo. Song nhân giả có thể hồi thiên ý, xin Nhà vua hết lòng tu-nhân phát chẩn, lay dân làm gốc, lấy nước làm trọng, trong sửa sang văn trị, ngoài chuyên cần võ công, may ra giữ được cơ nghiệp của*

## TUYỆT-GIANG PHU-TỬ

lở lỏng, thì thần chết cũng được thỏa lòng... vân vân...»

Vua Mạc Mậu-Hợp rất cảm động thương xót, sai sứ về thăm bệnh, hỏi việc nước sau này. Trang chỉ nói:

— Ngày sau có biển cổ gi, đất Cao-Băng dẫu nhỏ, cũng có thể hưởng phúc được vài đời nữa!

Ngoài ra không nói một câu gì.

Bảy năm sau, năm Nhâm-Thìn (1592) Mạc Mậu-Hợp bị bắt, toàn cõi thuộc về nhà Lê, lũ Mạc Toàn, Mạc kinh Cung, chạy về giữ đất Cao-Băng, truyền cho Kinh Khoan, Kinh-Vũ, ba đời được 71 năm quá như lời Trang giã.

Đây là kể những việc quan trọng đã được ghi chép lại trên sách vở. Còn hằng ngày, sống đơn giản giữa đại-chúng, giao-tiếp thân mật với họ, tất-nhiên Trang còn có nhiều cách, nhiều lối giáo-huấn họ, đưa họ dần-dần thực-hiện được lòng nhân, gây được trật-tự từ bản-thân đến gia-đình, xã-hội, nghĩa là đi gần bên lẽ phải.

Như vậy, về chính-trị, Trang là người

## TUYẾT-GIANG PHÙ-TỬ

Đàn ông, là người đi tìm thú nhàn, mà về phương-diện văn hóa đạo đức, Trang lại là người rất hoạt-dộng, sống một cuộc đời xã-hội rất đầy-đủ. Trong bốn mươi tư năm giới ra ngoài vòng cương-tỏa, với Minh-tình và sử sự của mình, Trang đã gây nên một uy-quyền tinh-thần rất lớn-lao, có ảnh-hưởng sâu-xa đến dân-chúng. Cái ảnh-hưởng ấy còn ăn sâu mãi vào những thế-hệ sau này, như Ôn-định-hầu Vũ-Hàn-Lân đời Cảnh-Hung (1740-86) đã viết:

«... Tiên-sinh truyền đến bây giờ  
bây tám đời rồi, mà sĩ-thứ vẫn chiếm  
ngưỡng như núi Thái-Sơn, sao Bắc-Đẩu...»

Lời viết ấy kẻ cũng không quá đáng.



**CHƯƠNG IV**

**THƠ PHÚ**

Trạng Nguyễn-Bình-Khiêm còn là một nhà văn-học đại-tài, Trạng để lại cho đời sau được nhiều thơ chữ nho và thơ quốc âm, rất có giá-trị về văn-chương cũng như về phương-diện xã-hội. Những bài thơ ấy không cầu-kỹ, không gọi dĩa, chữ dùng tự nhiên, không câu nệ gò-gẽm, nhưng bao hàm rất nhiều ý-nghĩa, đủ cho người đọc nhận thấy tâm-địa tác-giả, giữa tình cảnh xã-hội đương thời. Nó có tính-cách họa hơn là thơ. Th ông Đạm-Phủ Vũ-Phương-Đề chép trong Công-đư Tiếp-ký, Bạch-Vân-Am Thi-tập có những hơn một nghìn bài; về sau chỉ còn truyền tụng độ hơn trăm bài, và một bài bia quán Trưng-Tân mà thôi.

Dưới đây chúng tôi xin trích ít bài thơ của trạng.

# TUYẾT-GIANG PHU-TU

## Thơ chữ nho

Khi Trạng làm quan ở kinh, các công-tử ở nhà ham chơi. Không chịu học, Trạng gửi cho một bài thơ quở trách:

父	在	不	遠	遊
惟	疾	父	之	憂
聖	賢	所	垂	訓
斯	言	豈	我	誣
爾	既	生	爲	人
胡	不	業	爲	儒
芥	羽	事	關	鷄
金	鈴	走	韓	盧
夜	覓	錢	樹	兒
棖	擊	花	街	毬
師	友	不	親	炙
詩	書	友	寇	讎

FUYET-GIANG PHU-TU

生子既如此  
於我復何求  
且進一杯酒  
聊寫萬古愁

Phụ tại bất viển du,  
Duy tạt phu chi ưu!  
Thánh hiền số thùy huấn,  
Tư ngôn khởi ngã vu!  
Nhĩ ký sinh vi nhân,  
Hỗ bất nghiệp vi nho.  
Giới vũ sự dẫu kê,  
Kim linh tâu hàn lư,  
Dạ mịch tiền thu nhi,  
Thần kích hoa nhai cầu!  
Sư hữu-bất bán trá,  
Thi thư phân khẩu thù!  
Siach tử ký như thử.  
Ư ngã phục hà cầu?  
Thá tiến nhất bôi tửu.  
Liêu tả vạn cổ sầu!

**Chú:**

Cha còn không chơi xa,

## TUYẾT-GIANG PHU-TU

Cha yếu lo cho cha!  
Lời Thánh hiền dạy lại,  
Thực là không dối ta!  
Mày đã sinh làm người,  
Sao chẳng lo nghiệp nhà:  
Đã thích trò đua chó,  
Lại ham cuộc chơi gà.  
Ngáy chơi nghề nhầy đá,  
Tối tìm thú giăng hoa.  
Thầy bạn không chịu gần,  
Sách vở coi như là...  
Sinh phải con như vậy  
Mong cậy gì tuổi già!  
Ấu là mượn chén rượu  
Tỏ bớt nỗi lo xa. (1)

Bên nhà trạng Bình-Khiêm có một cây thông to. Khi Trạng về tri-sĩ, thường hay chơi mát dưới gốc cây, có cảm đề một bài thơ rằng :

---

(1) Những bài dịch trong này đều của ông Thi-Nham: Đình-Gia-Thuyết đã in trong quyển "THUYẾT MẠC".

TUYẾT-GIANG PHÚ-TU

長	松	十	丈	昂	且	聳
礪	磊	不	與	百	卉	共
明	堂	制	度	方	一	新
左	撐	右	桂	充	櫟	棟
若	言	醫	國	與	醫	民
神	苓	琥	珀	備	藥	龜
老	萊	却	伴	雙	鶴	棲
久	時	曾	記	三	公	夢
自	娛	泉	石	風	獨	高
長	傲	雪	霜	色	不	動
用	之	則	行	舍	則	藏
雖	云	材	大	難	爲	用

Tràng tước tháp trượng ngang thả tủng.

Khởi lỗi bất dữ bách hỷ công.

Minh đường chế độ phương nhất tán.

Tả xanh hữa tru sung lương đồng.

Nhược ngôn y quốc dữ y dân,

Thảo liach hổ phách bị được lũng.

## TUYET-GIANG PHU-TU

Lão lai khước bạn song học thê,  
Thiếu thi tăng ký lam công mông.  
Tự ngụ tuyển thạch phong độc cao,  
Trà-g ngạo tuyết sương sắc bất đông.  
Dung chí lặc hành sả tặc tàng.  
Thùy vào tài đại nan vi dụng.

**Diễn :**

Thông kia trót vót cao trăm thước,  
Ngay thẳng, không giống các cây khác;  
Kiểu mẫu minh, đường khi đổi thay,  
Cột dọc sả ngang tài chống vác.  
Về phần bổ dưỡng cho quốc dân,  
Hỗ-phách thần linh đủ tính được.  
Thuở trẻ còn nhớ mông Tam-công ;  
Khi già vui cùng bạn song-học.  
Sắc tốt không nhuộm vẽ tuyết sương  
Thói cao chỉ thích miền non nước.  
Dùng đến thì làm bỏ thì thôi,  
Ai bảo tài lớn không dụng được !

Trạng Bình-Khiêm có một ông bạn người  
làng Cao-Xá, làm quan Phủ tá Khoái-  
Châu, tương biệt đã lâu năm. Trạng  
gửi một bài :

相逢亂後老相催  
繾綣離情酒斂杯  
夜靜雲庵誰是伴  
一窗明月照寒梅

Tương phùng loạn hậu lão tương thôi,  
Khiền luyến ly tình tửu sả bôi ;  
Đạ tĩnh vân am thùy thị bạn.  
Nhất song minh nguyệt chiếu hàn mai.

Dịch :

Sau khi loạn gặp đã già rồi.  
Ấy náy tình xa sót chén môi ;  
Đêm vắng am mây ai bạn nhỉ ?  
Chòm mai trước cửa bóng giăng soi.

Trang Bích-Khiêm gửi cho học trò  
Nguyễn-Quyên một bài khuyên :

道非身外豈難尋  
况又相期志氣深  
君父綱常千古在  
孝忠誓不負初心



TUYẾT GIANG PHU-TỬ

Đạo phi thân ngoại khởi nan tâm,  
Hưởng hậu tương kỳ chỉ khi tâm;  
Quân phụ cương thường thiên cổ tại,  
Hiếu trung thế bất phụ sơ tâm.

Dịch :

Đạo ở mình ta có khó gì ?  
Phương chỉ chỉ khi đã tương kỳ ;  
Nghìn năm quân phụ cương thường đó,  
Trung hiếu một lòng chớ đổi đi !

Trong khi đương nhân ở Bạch-Vân am  
Trạng có cảm ngâm những bài sau này :

寓興

突兀門前十二峯  
煙花歛却露秋容  
椅樓一望知山意  
辰送青來千萬重

Ngụ hứng

Đột ngột môn tiền thập nhị phong,  
Yên hoa liễm khước lộ thu dung,  
Ý lâu nhất vọng tri sơn ý,  
Thời tống thanh lai thiên vạn trọng.

TUYẾT-GIANG PHU-TU

Dịch

Trước cửa mười hai ngọn núi chông,  
Yến hoa giàu-giải vẻ thu-dung,  
Tựa lâu trông núi hay cho núi,  
Lấp lánh màu xanh mấy vạn trùng.

秋 思

昨夜金風一陣吹  
開亭兀坐動秋思  
雲邊雁過渾無數  
天土月明應有期  
光景逐人年似矢  
危時憂國髮成絲  
田園自笑歸來晚  
松菊猶存是故知

Thu tứ (ý thu)

Tạc da kim phong nhất trận suy,  
Nhân đình ngột tọa động thu tư ;  
Vạn biên nhạn quá hữ vô số.  
Thiên thượng nguyệt minh ưng hữu kỳ ;  
Quang cảnh trục nhân niên tự thị.  
Nguy thì vu quốc miễn thành ty,

TUYET-GIANG PHÙ-TỬ

Điện viên tư tiểu quy lai vân  
Tùng cúc do lôn thi cổ tri.

Dịch :

Hiu-hắt đêm qua trận gió vàng,  
Ngồi buồn như gọi tấm lòng thương ;  
Sáng soi mặt đất giăng bao độ.  
Bay liệng bên mây nhận mấy hàng.  
Cánh giục, tuổi giờ nhanh tựa đụn;  
Lông lo, mái tóc bạc như sương;  
Cười mình vườn cũ quay về muộn,  
Tùng cúc còn đây cảnh cổ hương.

偶 成

竭	誠	誓	欲	報	君	王
暫	許	馳	驅	効	寸	長
肯	作	桔	橈	隨	世	態
休	誇	鉛	粉	闕	時	粧
一	園	春	老	嬌	花	醉
三	經	秋	高	晚	菊	香
爲	報	流	鶯	應	歛	舌
莫	穿	好	樹	弄	笙	簧

## 10YET-GIANG PHU-TU

### Ngẫu thành

Kiệt thành thế đức báo quân vương,  
Tam hứa tri khu biện thốn trường;  
Khằng tác cát cao tây thế thái,  
Hưu khoa duyên phần dẫn thời trang;  
Nhất viên xuân lộ kiều hoa túy,  
Tam kích thu cao vãn cục hương;  
Vị báo lưu oanh ưng liêm thiệp.  
Mạc xuyên hào thụ lộng sinh hoàng.

### Dịch :

Hết lòng thế báo nghĩa quân vương,  
Rong ruổi từng mong giải sở trường.  
Gầu cuộc không thêm theo thế thái,  
Phần sơn thái chẳng học thời trang,  
Một vườn xuân tới hoa say nhị,  
Ba lối thu về cục lạng hương.  
Nhấn bảo chim oanh khoan tiếng hát  
Trên cành âu sẽ bớt sinh hoàng.

### 自述

萬里鯤溟早奮身  
窮時聊且戢修鱗  
昔聯金馬玉堂客  
今伴青山碧水人

醉裡琴棋長度日  
 閒中花草足供春  
 斜陽獨立都無事  
 笑倚東風岸憤巾

Sự thuật

Vạn lý còn mình lão phần thân,  
 Cùng thi liệu thả chấp tu lân;  
 Tích liên kim mã ngọc đường khách,  
 Kim bân thanh sơn bích thủy nhân.  
 Tùy lý cầm kỳ trang độ nhật,  
 Nhân trung hoa thảo túc cung xuân;  
 Tà dương độc lập đồ vô sự,  
 Tiểu ý đông phong ngẹn trich cân.

**Dịch :**

Cả cơn vùi vùi bấy lâu nay,  
 Gặp phải khi cùng chịu chấp vầy.  
 Trước, bạn ngựa vàng thêm ngọc đó.  
 Giờ, vui nước biển núi xanh này.  
 Cầm kỳ khiến hưng cơn say lĩnh,  
 Cây cỏ tiêu dao cảnh tháng ngày;  
 Đối việc thần thơ khi bóng sẽ,  
 Khăn đầu phất phới gió Đông bay.

TUYET-GIANG PHU-TH

寓意

才不 愧危 扶溺 救溺  
來歸 重約 有約 故園  
大名 聲恐 只恐 潔身  
催病 老知 那知 劇醉  
瘦轉 青容 秋容 山帶  
猜相 白影 月影 江涵  
事無 却都 了却 機關  
開日 盡門 柴門 津館

Ngũ ý

Cứu nịch phù nguy quý bất tài,  
Cố viên hữu ước trọng quy lai  
Khiết thân chí khủng thanh danh đại,  
Kịch túy na tri lão bệnh thời ;  
Sơn đới thu dung thanh truyền xảo,  
Giang hàm nguyệt ảnh bạch tương sai ;  
Cơ quan liễu khước đồ vô sự,  
Tân quán sồi môn lập nhật khai.

## TUYỆT-GIANG PHU-TU

### Dịch

Câu vớt không tài lưỡng hồ người  
Hẹn hò vườn cũ trở về thời !  
Sạch nhiều những sợ danh to quá,  
Say rồi nào hay bệnh lão rồi,  
Núi lẫn màu thu xanh hóa nhạt,  
Sông in về nguyệt trắng hòa hai,  
Việc đời xong đoạn không còn vương,  
Xuốt buổi lâu gianh mở cửa hoài.

Khi Trang ở nhà, thân-thích hương quan  
đi lại hải ban luôn. Trang ứng tiếp mỗi  
mặt, nhân ngâm một bài tỏ ý :

不	才	謨	斌	衮	龍	褒
玩	愒	區	區	謾	自	勞
寔	學	未	能	孚	士	望
虛	名	空	笑	取	時	嘲
人	榮	簪	板	同	年	友
我	愛	松	筠	晚	歲	交
誰	是	誰	非	休	說	著
青	雲	許	似	自	雲	高

## TUYẾT-GIANG PHỤ-TỬ

Bất tài ngộ bị cỡ long bao,  
N oan kiệt khu khu man tư lao.  
Thực học vị năng phu sĩ vọng,  
Hư danh không tiểu thủ thời trào;  
Nhân vinh trăm phất đồng niên hữu,  
Ngã ái lòng quán văn tuế giao.  
Thùy thị thùy phi bưu thuyệt trước,  
Thanh vân trạch tự bạch vân cao.

**Dịch :**

*Chẳng tài ơn đội được thân vinh  
Sẵn sức làm chi lương bận mình;  
Thực học đủ đâu cho kẻ vọng,  
Hư danh càng tỏ khiến người khinh.  
Người vui trăm hốt đua bè bạn,  
Ta thích từng quân dưỡng tính tình.  
Phải trái mặc đời thời chẳng nói,  
Ai rằng máy trắng kèm máy xanh.*

Khi làm xong quán Trung-Tân trên sông Tuyết giang, Trang có ngụ bưng bốn bài thơ và soạn một bài văn khắc vào bia. Bốn bài thơ như sau :



TUYẾT-GIANG PHU-TỬ

I

備目干戈苦未休  
齒承餘服覓閒遊  
樓樓燕壁多覓行  
寂寂箕山幾許由  
千上光搖新劍氣  
三春暖入舊書樓  
老來未艾先憂志  
得喪窮通豈我憂

Mãn mục can qua khổ vị hưu,  
Tạm thừa dư hạ mịch nhàn du ;  
Thê thê yến biệt đa Khôn Diên,  
Tịch tịch Cơ sơn kỷ Hứa Do ;  
Thiên trượng quang giao tân kiếm khí,  
Tam xuân hoãn nhập cựu thư lâu.  
Lão lai vị ngãi tiên ưu chí.  
Đắc tằng cũng thông khởi ngã ưu.

**Diệu :**

Can qua giải-giác đến bao giờ,  
Tìm chốn an nhàn tạm nhàn như :

TUYET-GIANG PHU-TU

Yên-bích biết bao Khôn, Diển đó,  
Cờ-son`nào thấy Hứa Do xưa ;  
Khi quang nghìn trượng mài thanh  
kiếm,

Hơi ấm ba xuân lọt gác thơ,  
Già cả, vẫn lo thiên hạ sự,  
Càng, thông, đặc táng cũng coi thừa

II

虛室渾無半點埃  
柴門盡日傍江開  
漁舟晚向漁村泊  
野藪香隨野客來  
亂世苟全知有幸  
危時弘濟愧無才  
乘閒卻借東風力  
留取春光入壽杯

Hư thất hồn vô bán điểm ai,  
Sài môn tận nhật bàng giang khai,  
Ngư chu vẫn hưởng ngư thôn bạc,

## TUYẾT-GIANG PHŨ-TU

Giã tầu hương tuyết giã khách lai;  
Loạn thế cầu toàn tri hữu hạnh,  
Nguy thì hoảng thế quý vô tài.  
Thừa nhân khước tá đông phong lợ  
Lưu thủ xuân quang nhập thọ bái.

Dịch:

Nhà không, không bợn chút trần ai,  
Suốt buổi bên sông mở cửa sai,  
Cỏ nội hương thơm đưa khách nội,  
Thuyền trái hôm đến dấu khe trái,  
Yên thân buổi loạn là may lắm.  
Giúp nước đời nguy then chẳng tài.  
Mát mẽ gió đông khi đổi việc,  
Ngày xuân chúc chén thọ đầy vui

### III

一頃寒江是雪金  
江邊結屋伴行吟  
汲泉煮藥僧厨靜  
掃地焚香道院深  
松下風來知有徑  
竹邊月到却無心

漁翁不遇桃源客  
豈識興亡世古今

Nhất khoảnh Hàn giang thị tuyết kim  
Giang biên kết ốc bán hành ngâm,  
Cấp tuyến chữ được tăng trừ' l'inh,  
Tảo địa phầ' hương đạo viện thâm.  
Tùng hạ phong lai tri hữu ki'nh,  
Trúc bên nguyệt đảo khước vô tâm  
Ngư ông bất ngộ đào nguyên khách  
Khởi thực hưng vong thế c'ò kim.

Dịch .

Hàn giang một giải tuyết pha vàng,  
Dựng lúp lều thơ tựa bến dương,  
Cảnh vắng suối trong đùn nước thuốc,  
Am sâu đất sạch nếp tuần hương.  
Dưới thông len lối theo luồng gió,  
Bên trúc thơ ơ với á' Thương.  
Vị trước Đào nguyên không gặp khách  
C'ò đời sao biết cuộc hưng vương ?

IV

數問江館俯江津  
水國微茫兩岸分  
風穩帆歸寒浦月

**TUYET-GIANG PHU-TU**

天 晴 籠 見 遠 山 雲  
漁 村 厨 影 斜 陽 照  
野 寺 鐘 聲 半 夜 聞  
點 檢 行 年 逾 七 十  
只 緣 衰 散 豈 亡 君

Sở gian giang quán phủ giang tàn,  
Thủy quốc vì mang lương organ phâu  
Phong đả phạm quy hèn phố nguyệt  
Thiên tinh long hiện viễn sơn vân.  
Ngư thôn trừ ảnh tà dương chiếu;  
Giả tự chung thanh bán dạ văn.  
Điểm kiểm hành niên du thất thập.  
Chỉ duyên suy tán khởi vong quân

**Dịch :**

Nhà ở bên sông vắng vắng sông,  
Hai bờ xa cách nước mênh mông.  
Gió im buồm chạ theo vắng nguyệt  
Giới tịnh mây luôn hiện vẻ rồng.  
Bóng lửa thuyền ngư chen ác số,  
Tiếng chuông chùa nội lắng đêm đông.  
Bảy mươi tình tuổi ta già nhỉ,  
Hà phải rằng quên đức của trùng!

Bài văn bia

鮮肥夫而人施視癡心推津斯善歸  
飽乘餓吝行不是如之而中取其其  
濃輕溝金宿蓋利狂善擴名斯卽卽  
醉衣轉一路一惟如爲寔館義中津

衷彝稟危泪規僻非生期泰題奢飴  
降秉氣惟泪規邪其驕侈之瓊之糗  
帝具拘欲沒營於知則則廡稅畚臘  
上人自從沒營淫逸貴富堂畫灶耕

人希極爲明宜小爲小之愚迷子愚義碑  
何則其所甚我善於惡爲目一君審名斯  
賢企造推訓爲謂謹謂自智復識行此看  
聖欵求在古誠勿必勿而目一有力顧尙

定離途岐人茲敬欺恭隨借偶道私枝之  
有弗正他待在靈勿弟婦止偃善得有有  
止次屬惑已茲父君友唱有坊此我之已  
知造坦不行愈事事兄夫交坊念非人若

## TUYỆT-GIANG PHU-10

Thượng đế giáng trung,  
Nhân cụ bình di,  
Tự câu khí bâm.  
Tông đức duy nguy.  
Một một cốt cốt,  
Doanh doanh quy quy.  
Dâm u tà tích,  
Hoàng tri kỳ phi,  
Quý tắc kiên sinh,  
Phủ tắc sỹ kỳ,  
Đường Vũ chi thái,  
Họa thuế toàn đề,  
Táo phủ chi sa,  
Tân lập khừ di,  
Túy nùng bảo tiên,  
Ý khinh thừa phi.  
Truyền câu ngã phu,  
Nhất kim lện nhi.  
Lộ túc hành nhân.  
Nhất cái bất thi !  
Duy lợi thị thi,  
Như cường như si.  
Vi thiện chi tâm,  
Thục khoáng nhi suy.  
Quán danh Trung Tân.



## DUYET-GIANG-PHU-10

Nghĩa tì (tư) thủ ú.  
Trung tức kỳ thiện,  
Tân tức kỳ quy,  
Trí chí hữu định,  
Tháo thứ phát lý,  
Thần lý chính đồ.  
Bất hoặc tha kỳ.  
Hành kỳ đãi nhân,  
Niệm tư tại tư (tì)  
Sự phụ tận kích  
Sự quáo vật khí,  
Huynh hữu đệ cung  
Phụ xướng phụ từy,  
Giao hữu chí tín,  
Thiết thiết tì ú,  
Niệm hử thiện đạo,  
Phi ngã đắc tì (tư).  
Nhân chí hữu kỳ,  
Nhược kỳ hữu chí,  
Thánh hiền hà nhân ?  
Dục xỉ tắc hử,  
Cầu tháo kỳ cợe,  
Tai suy sở vi.  
Cổ buồn thậm minh,  
Thành vi ngã nghi.

## TUYẾT-GIANG PHÚ-TỬ

Vật vj thiệu tiếu,  
Tất cần ư vi,  
Vật vj ác tiếu,  
Nhi tư vi chí,  
Viết tri viết ngu,  
Nhất phục nhất mã,  
Hữu thức quân tử,  
Lục hành thâm li (tư)  
Cổ thử danh nghĩa,  
Thượng khán tư bi.

**Điện là :**

Đức Thượng để sẵn lòng phú giỗ,  
Người ta ai cũng đủ di-luân ;  
Sau khi đã nhiễm tục trần,  
Một lòng dục thẳng muốn phần lý vọng,  
Thối là tieh hoang dám lưu tộ.  
Còn biết đâu như thế là sẵn,  
Sang thì quen thói kiêu căng,  
Giàu thì sa sỉ há rằng một ai,  
Sửa sang những tương dài nhà rộng,  
Nào kẻ hoa trạm bóng vờ vờ ;  
Đường đem chát chỗ đồ sỏi,  
Sáp đem làm cái đũ mùi xa-hoa !  
Ăn uống phí, tiêu pha lại quá,  
Nào khinh sêu, phí mã rười-rong ;

## TUYỆT-GIANG PHU-TU

Thấy ai đòi chết mặc lòng,  
Tiếc từ nửa chữ một đồng chẳng cho.  
Đường gập kẻ nằm eo lạnh lẽo,  
Rét mặc thấy, manh chiếu chẳng dơi;  
Chỉ cần lấy lợi mà thôi,  
Tấm lòng «vi thiện» mấy người biết suy.  
«Trung Tân» lấy nghĩa gì mà đợi?  
Cũng là theo nghĩa thật suy ra :  
«Trung» là lòng thiện người ta;  
«Tân» là chốn thiện ai là chẳng nơi;  
Người ta đã biết nơi sở chỉ,  
Dẫu trong khi thác thứ chẳng dơi;  
Bước đường ngay thẳng hẳn-hoi,  
Không ẽ sai lạc ra ngoài «**Trung  
Tân**».

Hành kỹ thế, đời nhân cũng thế,  
Nghĩ đời con, bụng đời đời con;  
Tờ cha hết đạo làm con,  
Thờ vợ phải giữ cho tròn đạo lối,  
Anh phải thuận em thời phải kính,  
Chồng ban ra, vợ thỉnh tòng ngay;  
Bạn bè giao kết xưa nay,  
Lòng tin chớ có đời thay tấm lòng,  
Ngẫm thiện đạo lẽ hằng sau trước,  
Không phải mình ta được riêng lấy,

## TUYỆT-GIANG PHU-TU

Thấy người ta có điều hay,  
Cũng như mình có, lòng này chớ ghen,  
Muốn theo kịp thánh hiền chớ khó.  
Cốt suy ra lòng đó mà thôi,  
Cớ nhơn dạy đã hết lời,  
Thực làm khuôn phép muốn đời cho ta.  
Chớ thấy thiện nhỏ mà khinh bỏ,  
Cũng đừng coi ác nhỏ mà làm;  
Kèm hơn phân biệt rõ ràng:  
Một đàng là trí, một đàng là ngu.  
Bậc quân tử đã dư kiến thức,  
Càng thêm tư, hành lực mới hay:  
Danh kia cùng với nghĩa này,  
Ai ơi nên nhận bia dầy cho tương!

### Thơ quốc âm

Cũng như thơ chữ nôm, thơ quốc âm của Trạng Nguyễn Bich Khiêm rất tự nhiên, không điều luyện, không cứ niêm luật, giả mà đủ ý, nhạt mà có vị. Về nghệ-thuật, những bài thơ ấy còn có giá-trị hơn những thơ nôm đời Hồng-đức và đời Lê Trang-Huөг sau này nhiều lắm. Hơn nữa, những bài thơ ấy lại có tính cách rất phổ thông, đọc rất dễ

## TUYẾT-GIANG PHU-TÚ

hiều, đàn bà còn trẻ xem cũng biết được ý nghĩa khuyên răn của tác giả. Ta có thể gọi đây là những thơ giáo-dục. Tuy nhiên, thơ của Trạng không vì thế mà giảm giá đâu. Trái lại, lời thơ mộc mạc mà không tầm thường, ý thơ thiết thực mà không sáo, vẽ đúng hiện cảnh xã hội mà không nhảm, gọi nổi lương tâm trong lòng người mà không làm cho người ta tức giận... Như thế tưởng đối với quốc văn, Trạng cũng có công nhiều lắm; mà trong lâu đài quốc-văn, Trạng cũng có công nhiều lắm; mà trong lâu đài quốc-văn, Trạng cũng sánh được một địa vị đặc biệt. Dưới đây xin sao lục ít bài thơ ấy.

I

### Thối đời

Vung khéo nào ai cũng có thì,  
Khó khăn phải luy đến thế thì.  
Được thời thân thích chen chân lại,  
Thất thế hương tư ngãch mặt đi.  
Thốt có tanh tae rudi mới tới,  
Gang không mật mỡ kiến bò chi?  
Đời này những trọng người nhiều của,  
Bằng đến tay không, ai kể vì?

## TUYẾT-GIANG PHÚ-TU

### II

#### Cảm hứng

Giàu khó hèn hay chín phần mình,  
Đầy đường gai góc biếng đua tranh,  
Cơm ăn chẳng quản mùi sa, bạc,  
Áo mặc nề chi tấm rách lành.  
Ôm gối mong nhiều người ăn-dật,  
Bận lòng lại tưởng cái công danh;  
Cho nên nấn-nà trong lều cỏ,  
Hồng mác ngồi xem buổi thái bình.

### III

Đừng dung mọi sự gác bên ngoài,  
Dù kém dù hơn, ai mặc ai.  
Mùi trái thế-gian nhiều mặn nhạt,  
Đường qua danh lợi lắm chông gai.  
Mấy người phú quý hay yên phận,  
Hễ kẻ anh hùng nường cây tai,  
Dù thấy bạn sinh thời dễ sợ,  
Sừng kia chẳng mọc, mọc bên tai.

### IV

Đạo đức hiền hay mẫn khó khăn,  
Quyền môn chốn ấy biếng chen chân.

## TUYET-GIANG PHU-TU

Hùng thừa phong nguyệt chơ ba chơ,  
Thú sẵn thanh nhàn rượu mấy tuần.  
Quét sạch cửa nho chờ khách đến,  
Vun giồng cây đức để con ăn,  
Được thua phú quý đều thiên mệnh,  
Chen chúc làm chi cho nhọc nhằn.

### V

Mãng chơ người ngẩn cây ta dật,  
Dù kém dù hơn ai mặc ai,  
Mùi no có bụi không có ngọt,  
Thức kia càng thắm lại càng phai.  
Dù hay phận sớm nên yên phận,  
Dẫu có tài hơn chơ cậy tài,  
Quán tử gấm hay nơi xuất xứ  
Hẳn là hơn hết cả hòa hai.

### VI

Nước non nào phải của ai đâu,  
Nhiều ít công tư cũng mặc dầu,  
Khó chẳng dở dang, khôn chẳng lâu,  
Được chẳng bạo học, mất chẳng âu,  
Anh hùng người lấy tài làm trọng,  
Ấu-dật ta hay thú có mầu.  
Ngẫm ấy ai phò vạc Hán?  
Đồng giang dữ một cừu câu !

## TUYET-GIANG PHU-TU

### VII

Người dữ thời ta miếu có lành,  
Làm chi đo đũa nặng đưa tranh,  
Cửa vương nhện oan vi vắng,  
Thoi quýt ruồi ấy bởi tanh.  
Nhiều khách xa xanh trường phú quý,  
Mấy ai đâu bạc hội kỳ anh.  
Đã ngoài mọi việc chẳng còn ước;  
Ước một lời hiền, chửa thành minh.

### VIII

Giàu người hợp, khó người tan,  
Thoi ấy hằng là sự thế-gian,  
Vốn tình quen bề đạm-bạc,  
Cơ thân thời chửa thiên vào,  
Nhà chẳng cửa, liêu con nước, (?)  
Người rằng là khó thỏ quan, (?)  
Bàn tiếng dữ lanu bao đáp,  
Mặc ai chê, miếu mặc ai đàn.

### IX

Một cơ yêu nhọc dỗi lại diên,  
Yêu b o nhiều thời nhọc bấy nhiêu,  
Tham, quả: cái công danh luy,  
Muốn, cho con tạo nói trên.  
Voi vầy Lạc, Đổ năm ba khách...  
Lính chốn Nam Dương ở một lều.



## TUYET-GIANG PHU-TU

### X

Lần lữa ngay qua, lại thảng qua.  
Một phen xuân tới một phen già.  
Ái ưu rõ rõ, giăng in nước,  
Danh lợi lừng lừng gió thổi hoa.  
Án sách hẳn có án sách cũ,  
Nước non ban với nước non nhà.

### XI

Gần sơn thời đỏ, mực thời đen,  
Sáng biết chờ ơn thuở bóng đèn,  
Ăn uống miễn theo nơi phép tắc,  
Toi lui cho hết lẽ kinh quyền.  
Chẳng, nêu mẫu thế người lành đời,  
Giáo dử, khôn ai thói bạc đen.  
Ở thế có khôn thời có khó,  
Chữ rằng: « vô sự tiêu thân tiên » !

### XII

Làm người hay một họa hay hai,  
Chờ cây rằng hơn chờ cây tại,  
Trục-tiết cho bền, bằng sắt đá,  
Đi đường ngấm biết chốn chóng gai.  
Sự thế khá yêu là của khá,  
Đời cơ ai dễ kếm chại ai ?

## TUYET-GIANG PBU-TU

Miệng người tựa mặt mũi càng ngọt,  
Đạo thánh bằng tờ vuốt bầy dài...

Những bài thơ của Trang, chữ nhỏ cũng như quốc âm, ngoài sự dễ giải-tỏ được tâm sự tác-giả, còn có giá trị chính nữa là à được ít nhiều hiện-trạng sinh hoạt bấy giờ. Cả một su-trào vụ lợi, ta thấy hiện ra trong thơ. Từ trên đến dưới, ai ai cũng chỉ nghĩ đến tư-kỹ mà quên mất cả tinh-cảm thiêng-liêng của loài người. Kẻ giàu sang thì kêu-căng sa-sai, ăn chơi vô-độ, ở nhà tương cao, sa-tram-trở tinh-vi, ăn thi cao lương mỹ vị, chỉ tìm cách sưng lấy thân mình, còn ngoài ra sống chết mặc ai, không chút bận lòng, không hề bỏ thì nửa đồng nửa chữ, mụn vái thừa, manh chấu rách. Kẻ trung bình thì chỉ biết chạy đồ sỏ vào với những kẻ giàu sang mà khinh rẻ bọn nghèo hèn. Bọn nghèo hèn lại cũng cố phải bỏ đồ những kẻ hơn mình. Vì thế cho nên:

*Được thời thân thích chen chân lại,  
Thất thế, hương lư gánh mặt đi!*  
Lợi đã là động - lực duy - nhất trong

## TUYẾT-GIANG PHU-TỬ

xã-hội, người ta phải tìm đủ phương-kế mà kéo lấy lợi về mình. Rồi vì lợi mà lừa gạt nhau, tranh giành nhau, jấn át nhau, mà dần dần những tình-cảm giúp bầu trong lòng biến đi để nhường chỗ cho những mưu mô quý quyết, những thủ đoạn hại người. Nhân nghĩa đạo đức mất hết, người ta cứ xa dần thiên-linh.

Đau lòng vì quang-cảnh trái tự-nhiên, trái lẽ thường như vậy, và tự hồ thẹn không đủ tài và đủ quyền văn-hồi lại được, Trạng Bình-Khiêm mượn lời thơ để soi rõ những chỗ xấu xa hèn kém kia, đánh dấu lấy những tập quán đồi-tệ, mong kêu gọi thiệu căn trong lòng người, lay thức người đời quay về với thiên linh, với lẽ phải thông thường. Một thứ thơ đặc biệt vừa học lộ, vừa thấm thía, đủ cả tả cảnh tả tình và ngụ ý, lời ít mà để cho người ta suy nghĩ ra nhiều.

Đây là thứ thơ phụng sự nhân sinh, dựa nơi tình cảm để gây thêm sức mạnh cho cuộc sống còn của giống nòi.

CHƯƠNG V

**DẬT SỬ**

Phần đông dân chúng nước ta đều biết đến Trang Nguyễn-Bình-Khiêm vì nhờ được những việc Trang đã tiên tri cứ lần lượt xảy ra đúng như vậy, cách hàng mấy trăm năm sau. Cho nên ngày nay hai tiếng « sấm Trang » đã thành hai tiếng quen thuộc ở cửa miệng mọi người.

Những câu sấm ấy có thật đúng không ? Và người ta có thể tiên-tri được như vậy không ?

Đối với vấn đề này, chúng tôi thật không đủ thẩm-quyền giải-đáp. Đó thuộc về phạm-vi thần-bí. Ta phải đợi đến ngày khoa-học đưa loài người khám phá được hết bí ẩn ở nội-giới con người và ở ngoài vũ-tru mới mong xác-định vấn đề ấy một cách minh bạch đo-lhỏa. Song

## TUYET GIANG PHU-TU

chúng tôi cũng có thể quan niệm một bậc thượng trí đã tinh thông dịch-lý, thấu-triệt lẽ dịch hóa ở vũ-tru, tất có thể đem tinh thần cá nhân hợp nhất với phần đại-ngã, tức là vũ-tru, cảm thông với vũ-tru, mà nhận thấy những đồ soay-chuyển ở Tạo-vật, nó phát hiện ra những đồng-tác trên xã hội loài người. Vì vạn vật, vạn sự ở vũ-tru luân chuyển, biến hóa vô cùng, hoặc thuận, hoặc nghịch cũng đều phải chung vào một lối *duy nhất nhất thể*. Vậy thì những lời sấm ký chưa chắc đã là không hẳn, nên chúng tôi xin thuật mấy truyện sau đây để làm tài liệu kê cứu và phê phán. Những truyện này, nếu đúng thật, cũng chỉ là thứ trò chơi của Trạng :

1\*) — Một hôm Trạng Bình-Khiêm cùng học trò là Trương-Thời-Cử hỏi dịch, được quẻ Càn động hào Sơ-cửu, liền bùa đoán rằng :

TUYET-GIANG PHU-TU

卜得乾純卦  
初九遇潛龍  
我入世之後  
笑戈起重重  
牛江聚寶江  
大人居正中

Bốc đắc càn thuần quái,  
Sơ cửu ngộ tiềm long,  
Ngã bát thế chi hậu,  
Binh qua khởi trùng trùng.  
Ngưu giang tụ Bảo giang  
Đại nhân cư chính trung

dịch :

Bói gieo được quẻ Càn-nguyên,  
Động hào Sơ-Cửu rồng còn náu hơi.  
Sau ta đây nữa làm đời,  
Nỗi cơn binh lửa, khắp nơi chiến trường  
Ngưu giang hợp với Bảo giang,  
Đại nhân chính vị, bốn phương một nhà:  
Người sau cho quẻ ấy đúng vào việc  
Tây-Sơn làm loạn, khắp trong Nam, ngoài

## TUYET-GIANG PHO-TU

Bắc chỗ nào cũng có binh lửa, sau đến vua Gia-Long ra nhất thống thiên-hạ, ứng vào câu « Đại nhân cư chính trung ».

2°) — Trang Bình-Khiêm có một người học trò họ Bùi, người làng Trung-hàng huyện An-dương (bây giờ thuộc tỉnh Kiến an) rất thông hiểu việc quan lại. Trang thường bảo :

— Anh ngày sau tất nhiên phát-đạt!

Không ngờ Bùi-sinh lận đận mãi, ngoài năm mươi tuổi mà vẫn chưa làm nên công nghiệp gì, có ý không vui, thường nói vụng với bạn môn-sinh rằng :

— Thầy ta vốn mình đạt t'ên-trì, nhưng cũng còn chỗ nhầm, nghiệm như việc của tôi đây!

Trang nghe biết cười thầm mà không nói năng gì cả. Một hôm cho gọi Bùi-sinh đến giãi rằng :

— Vận đạo của anh đã tới, anh cứ mượn lấy mười chiếc thuyền, chực sẵn ngoài cửa hồ Vạn-ninh, trên Đầm-Hồng, đến ngày giờ ấy, gặp vật gì trôi, cứ vớt lấy mà mang về. Tiền trình phát đạt của anh ở đó!



## TUYET-GIANG PHU-TRU

Bài sinh vàng lời, nhưng trong bụng vẫn không tin.

Đáng kỳ hẹn quả nhiên thấy có vật trôi ở giữa giòng. Bài sinh đem thuyền đón vớt, thì là một bà lão tóc bạc phơ, bám vào một cây gỗ. Bài sinh vớt lên cứu sống được, đem về phụng dưỡng như mẹ già vậy.

Được mấy hôm, quan Tổng-Đốc Quảng-Đông sai sứ đem thư sang nói với Triều-đình Mạc; Bên ấy có Thái Phu-nhân đi chơi hồ bị đắm thuyền, xem tình tượng giạt về phương Nam, xin Nam-triều vì tình lân bang ra lệnh tìm giúp. Vua Mạc yết bảng cho dân duyên hải đều biết và trọng thưởng cho người nào tìm được.

Bài-Sinh xem bảng, lập tức đem bà lão vào Triều, sứ Tàu cả mừng đưa rất nhiều vàng bạc gấm vóc tạ ơn, lại xin nhà vua phong quan tước cho Bài-Sinh.

Sau Bài-Sinh làm đến Thượng-thư Theo mệnh công, phú quý vinh hoa, đáng như lời Trang nói.

## TUYET GIANG PHU-TU

3. — Trang lĩnh đến đời thứ bảy thì con cháu sa-sốt, khi sắp lâm chung viết một bức thư để vào ống tre đây, nắp kín, gài trám đường, cấm con cháu không được mở ra xem, sai biên vào gia-phả dặn cháu đến đời thứ bảy, giờ ấy, ngày ấy, năm ấy, sẽ đem trình quan Huyện sở tại. Con cháu vâng lời, đến cháu bảy đời là Thời-Đương, nhằm đúng năm, tháng, ngày, giờ đem ống di-thư lên trình quan. Quan Huyện đang nằm trong tư thất nghe nói có di-thư của cụ Trang-Trình, vội vàng ra tiếp. Vừa ra khỏi thì cái sà pha rơi vào chính giữa chỗ nằm! Quan Huyện lấy làm may quá. Khi tiếp thư mở ra đọc, chỉ thấy có mấy chữ rằng :

我救爾上樑之厄

爾救我七世之孫

«Ngã cứu nhĩ thượng lương chi ách,  
nhĩ cứu ngã thất thế chi tôn.»

Nghĩa là : Ta cứu người cái ách sà rơi, người nên cứu cháu bảy đời của ta.

## TUYẾT-GIANG PHU-TU

Quan Huyện cảm phục vô cùng, từ đây chu cấp cho người châu thứ bảy đời của Trịnh rất tử tế.

4 - Trong năm Minh-Mạnh thứ 14 (1813). Ở Hai-dương, có giặc tự xưng là cậu cháu Trịnh Trích. Nhân bấy giờ có câu sấm truyền rằng:

### 嘉隆二代永頼爲王

*Gia Long hai đại, Vĩnh-lại vi vương.*

Ngĩa là: đời thứ hai Gia Long, người ở Vĩnh-lại làm vua. Vĩnh-lại xưa là huyện Trịnh Trích. Triệu-dinh chiếu cho quan Thủ-lông-đốc Hà-dương là Nguyễn-Công-trứ đem quân về làng Trạc-Am khám xét, và huỷ đền thờ Trịnh ở nền cũ Bạch-vân. Ông Trứ phụng mệnh đem quân đến phá đền, thấy có bia sấm ở cửa đền khắc mấy chữ rằng:

### 毀我廟者不得預於期文

« Huỷ ngã từ giả, bất đắc dự ư tư văn; »

Ngĩa là: Phá đền thờ của ta ấy, không được dự vào bàn tư-văn.

Ông Trứ cũng coi là thương, cứ sai

## TUYẾT-GIANG PHŨ-TU

quán vào phá. Khi giở đến nóc đèn chính, lại thấy có mấy chữ khắc rằng:

« Minh-Mạnh thập từ, thằng Trừ phá đèn, phá đèn thì lại làm đèn, nào ai cướp nước tranh quyền gì ai! »

Ông Trừ có ý sợ, truyền qua thời không phá nữa, rồi về kinh tâu vua Minh-Mạnh xin làm lại đèn. Sau bắt được tên giặc tra ra không phải là dòng dõi Trang.

5. — Mộ Trang táng ở làng Trung-am, bên mộ có bia đá khắc mấy chữ rằng:

« Bỏ con thằng Khả đánh ngã bia tao, phạt cở tiền tam quán ».

Dân làng bấy giờ đều không hiểu ý. Sau lâu ngay cát bồi lấp bia, không còn trông thấy chữ. Đến đời Thiệu-Trị (1841-1847), có hai bố con người đánh chuột tên là Khả, đào đất bắt chuột đánh đổ bia, dân làng đến xem thấy chữ khắc rành rành, đến kích phục. Bên bắt phạt bố con tên Khả ba quan tiền, và bắt phải dựng bia lại y như cũ. Nhưng nó chỉ có một quan tám tiền, xin nài mãi, và sau dân làng thấy chữ tam quán là quan

## TUYẾT-GIANG PHÙ-TỬ

tám nơi tái lại, phải bằng lòng nhận vậy.

6. — Trang có làm một ngôi mộ bình dương, đào hai huyết, huyết bên tả còn liền có cốt, huyết bên hữu dễ tiền không, cũng không đắp năm. Trong năm Thiệu-trị thứ tư (1844), có thầy địa-lý chính tông bên Tàu sang làm đất, xem đến ngôi đất ấy muốn đề. Có người nói đã có ngôi mộ của cụ Trang Trình đề ở bên tả. Thầy địa cả cười bảo mọi người rằng:

— Nghe nói Trang Trình thánh địa lý mà diêm huyết còn nhầm lầm...

Rồi chỗ vào huyết bên hữu, thầy nói tiếp:

— Huyết này không đề, lại đề huyết kia, thực là không có mắt!

Bên bảo nhà chủ khai huyết bên hữu, đào được mấy thước thấy có tiền, thầy địa xem xét một lúc, nhận là liền không; sai cứ đào. Đến lúc đào được tiền, mở ra xem thì quả không có cốt, chỉ thấy một viên gạch có khắc mấy chữ rằng:

此地三百年前脉行于左  
三百年後脉行右何謂聖  
人無目

## TUYET-GIANG PHU-TU

*\* Thử địa, tam bách niên tiền mạch  
hành vu tả, tam bách niên-hậu mạch  
hành vu hữu, hà vị thánh nhân vớ  
mực ?*

Nghĩa là Đất này ba trăm năm trước,  
mạch đi bên tả, ba trăm năm sau, mạch  
đi bên hữu. Sao lại bảo Thánh nhân  
không có mắt ?

Thầy địa cả sợ nói

— Thế thời thật là Thánh !

••

Ngoài những câu truyện thuật trên đây,  
ngày nay người ta còn kể đến rất nhiều  
những câu sấm của Trạng ứng vào thời  
này, đại để như cây liễu dưới sông là  
cái lâu thủy, chỉ vắt ngang giới là giây  
thép vào vào. Nuát là uông câu mà  
người ta cho là rất hợp vào thời cuộc  
ngày nay lại càng được nhắc đến và bàn  
láo đề hồng t.m ra kết quả của cuộc  
đảo lộn còn đương diễn nữa chừng.

Nào :

龍尾蛇頭苦戰爭  
干戈處處起刀兵

馬蹄半脚英雄盡  
申酉年來見太平

Long vĩ sà đầu khở chiến tranh.  
Can qua xừ xừ khở đao binh l  
Mã đề dương cước anh hùng tận,  
Thân dân niên lai kiến thái bình.

Bốn câu trên dùng hàng chỉ định ý nói cuối năm Thìn (rồng) sang đầu năm Tị (rắn) khở vì ch.ế tranh, can qua nỗi khắp nơi, năm Ngọ (ngựa) năm Mùi (dê) anh hùng hết. Thân Dân đến là thiếu hạ thái bình. Nếu những câu ấy ứng vào thời này, thì câu thứ nhất là hai năm 1940-1941, câu thứ ba hai năm 1942-1943, câu cuối là hai năm 1944-1945.

Giữa lúc cuộc sống hằng ngày đang vất vả và số phận con người hấp bính như hạt bụi trước gió, phần nhiều người ta ai cũng muốn những câu sấm ấy sẽ ứng cả vào dịp này. Vì một lẽ rất giản dị là người ta sẽ chông được trông thấy quang cảnh thời bình.

Nhưng nếu thời cuộc xảy ra quá đống

## TẾT-GIANG PHÚ-TỬ

như mấy câu trên này cũng không có ích lợi gì về nhân sinh cả. Bởi nó chỉ để cho người ta biết những việc đã đến, chứ không thể nào biết rõ được những việc sẽ xảy ra. Và lại cái biết ấy bao hàm quá, tổng quát quá, không những không có ích gì cho cuộc sống còn hàng ngày mà lại cũng không lợi thêm gì cho trí thức con người nữa.

Như vậy thì, như trên đã nói, những câu sấm của Trạng nếu quả có đúng, cũng chỉ là trò tiêu khiển tinh thần riêng Trạng mà thôi, cái thứ trò chơi nhàn khi rất hại cho người sau. Vì người ta sẽ vin vào đấy mà suy diễn láo, dễ tự làm nhụt mất chí tiến thủ, làm giảm mất sức hoạt động ở mình đi mà tin cả vào có giới xếp đặt. Có lẽ Trạng cũng cảm thấy chỗ sơ đoán của thường-nhân như vậy, nên Trạng mới đặt ra những câu sấm rất ngô-nghe khó hiểu, chỉ khi nào ứng vào việc đã xảy ra rồi, người đời mới nhận rõ.

Vậy, chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa, những câu sấm kia chỉ là những trò chơi của bậc đặt-giả lưu lại để làm



## **TOYEI-GIANG PHU-TU**

vui cho những tâm hồn tri thức hiểu kỹ  
mà thôi chứ không có ích lợi gì cho nhân  
sinh và xã-hội.

Ta không nên vin vào đấy mà định giá  
tiền hiểu.

CHƯƠNG VI

**NHỮNG HỌC TRÒ NỔI TIẾNG**

Khi còn ẩn cư và sau khi về tri-sĩ, Trạng Nguyễn-Bình-Khiêm dạy được rất nhiều học trò. Gần xa mộ đạo cao đức trọng, kéo nhau về học ở cửa Trạng kẻ có hàng mấy ngàn người. Phần nhiều các đại quan giúp cho Lê triều trung hưng sau này đều là học trò Trạng. Danh tiếng nhất có những ông Nguyễn-Dũ ẩn cư không ra làm quan, Nguyễn Quyện, Giáp-Hải làm quan với nhà Mạc, Phùng-Khắc-Khoan, Lương-Hữu-Khánh, Đinh-Thời-Trung, Trương-Thời-Cử ra giúp nhà Lê.

Nguyễn-Dũ 阮璣, người làng Hồ-Tùng huyện Trường-Tàu (sau đổi là Gia-Phúc bây giờ là Gia-Lộc thuộc tỉnh Hải-Dương) con quan Tiến-sĩ Thượng-Thư Nguyễn-Tường-Phiên, ẩn cư, không ra làm quan, làm ra bộ sách « *Truyền kỳ mạn lục* » gồm

## TUYET-GIANG PHU-TU

hai mươi truyện quái dị. Bộ sách này được Trang Nguyễn - Bình - Khiêm phủ chính. Hậu học là Ôn-Đinh-Hầu Vũ-Hân-Lân phê ta Thiên cổ kỳ bút!

Nguyễn-Quyển 阮倦 là con Nguyễn-Thiếu trước đã theo cha bỏ Mạc về Lê, sau lại quay về Mạc, làm đến chức Thừa-Tướng Thượng-Tể tước Thượng-quốc-Công, đánh nhau nhiều trận với quân Lê. Năm Nhâm-thì (1542) đánh với Trịnh-Tùng ở cầu Nhân-mục gần Thăng-Long thua trận bị bắt.

Giáp-Hải 甲海, đẻ ở làng Công-Luận huyện Văn-Giang làm con nuôi người làng Sình-Kế huyện Phượng-Nhơn đỗ Trang-Nguyên khoa Mậu-Tuất năm Đại-Chính nhà Mạc thứ chín (1538), làm quan đến Lại-bộ Thượng-thư Kế-Kê hầu, sau được phong Sách-quốc-Công.

Phùng Khắc-Khoan 馮克寬 tự Hoảng-Phủ, hiệu Nghị-Trai, người làng Phùng-Xá, huyện Thạch-Thất tỉnh Sơn-Tây đỗ Trang-Nguyên triều Hậu-Lê, ta thường quen gọi Trang Hùng Khi còn đang học Trang Bình Khiêm, nghe những lời

## TUYET-GIANG PHU-TU

day giảng về đạo lý về lẽ thuận nghịch, Phùng tinh ngộ, không có ý ra làm quan với triều Mạc. Một đêm Trạng đến gõ cửa gọi bảo rằng :

— Gà đã gáy rồi, giờ đã sáng rồi, sao không dậy, còn ngủ mãi ư ?

Khắc-Khoan hiểu ý, liền vào Thanh-Hóa giúp vua Lê. Trước khi sắp sửa đi, vào bài biệt, Trạng không bảo gì ca, lúc giờ ra, Trạng cuốn chiếu ném theo, (ý bảo Khắc-Khoan về giúp Lê đánh Mạc khi đã đặc ơn ơn nên thưa thớt trang khu như mè cuốn chiếu vậy.)

Năm Đinh-dậu hiệu Quang-Hưng thứ 20 (1597) đời vua Lê-Ính-Lông, Phùng-Khắc-Khoan nhận chức Công-Bộ Tá-Thị-Lang sung Nhập-sứ sang nhà Minh đem dâng lễ cống và cầu phong. Vua nhà Minh chỉ phong cho vua Lê-Ính-Lông làm An-nam Đô-Thuống-Sứ. Khắc-Khoan không chịu nhận, dâng sớ tâu rằng :

« Đô-Tuống là chức cũ của họ Mạc, chứ vua nước Nam là dòng-dõi họ Lê mà phong cho chức ấy thì không xứng đáng. »  
Vua Minh nói đỡ rằng :

## TUYET-GIANG PHU-TU

— Vẫn biết họ Lê không vì như họ Mạc, nhưng lúc đầu mới phong, hãy tạm cho chức ấy, rồi về sau sẽ phong Vương.

Khắc-Khoan cũng phải chịu. Nhưng do đây người Minh thêm trọng sứ thần Việt Nam. Lại nhân gặp kỳ Khánh-Thọ vua Minh, Khắc-Khoan được vời dự có dâng mười bài thơ chúc thọ, được ngợi khen nước Việt-Nam là nước văn hiến. Dịp đi sứ này, Khắc-Khoan cảm hứng làm được một tập thơ, có sứ thần Cao-Ly là Lý Ty-Quang đề tựa.

Lương-Hữu-Khánh 梁有慶 là con giai quan Bằng-nhơn Lương-Đắc-Bằng. Khi quan Bằng yếu nặng cơ dặn Trạng Bình-Khiêm phải trông coi. Trạng đem Hữu-Khánh về nuôi dạy như con. Khoa Mậu-Tuất, Đại chiến thư chín (1538), Hữu-Khánh vào tại Hội đồng Hội-nguyên. Đền Đình-thi bỏ về không tại nữa, ra bao voi mọi người rằng:

— Có phải ta cầu công danh dẫu, đi thi để thử xem là: bọc của ta thế nào đây thôi.

Triều đình nhà Mạc tìm đủ cách để

## TUYET-GIANG PHU-TU

ra làm quan, Lương đền chối từ, cảm chịu nghèo túng đi ngạo du khắp mọi nơi. Sau về giúp vua Lê, có nhiều quân công, được phong Trung Hươg công-thần, làm quan đến Binh-bộ Thượng-thư, tước Tín quốc công.

張時舉 Trương-Thời-Cử, 丁時中 Đinh-Thời-Trung đều đỗ Tiến-sĩ đời Hậu-Lê và làm nên quan to.

∴

Khi Trang Bình-Khiêm tạ thế, các học trò đã hiện-dạt cả rồi. Ai-tin truyền ra, ai nấy đều cảm thương, xa gần lớn nhỏ đều về hộ tang, không kể người Lê hay người Mạc. Tất cả đều chỉ biết cùng trong một mối cảm mộ vị tôn-sư và cùng đứng trước một cái tang đau đớn. Anh em liền cùng nhau tôn trọng làm *Tuyết-giang Phu-tử* 雪江夫子 giết trâu lợn tế mộ rất la thanh kính.

Đinh-thời-Trung thay mặt anh em soạn bài văn tế rất cảm ứng, đại lược như sau:

嗚呼。嶺頭雲暗。前宮之草  
木改觀。庵水波澄。吾道之

繇惟秀爲原，歐杜不究津。照周堯綸名，長  
之緬毓不藏冠。李明義之黎地邵，經聲足  
密舖山子蘊，力兼光詒子燃。繇來腹蜚驥  
細窳南賦道，學才大訓朱經天。知滌繡，雄  
思之英，鈞大誦詩正。章船一經往，儲錦心  
靜容鍾洪襟，遍章於詞。撐乙腑，藏之身泮  
故窳海目胸，言成極於籍。太藏思，道渾啓  
如仰東耳，闊萬步其藝。六明之心戶，用雍  
源景生，明廣富。七造其書理，雄宰門之周  
淵毫先聰，貧自蘇亦苟。詩涯楊冢夫文於



志燭級士學出之山周先生色不大聖生  
 科盡五場理手獸之不自先門也孟並不  
 宋未色五於對鳳地無統惟道天宙顏若  
 榜成雲浪騰無鳳在體之域其然字戈諸  
 唐章呈之末雄之文宿人之乎胡虞于而  
 於葢已門譽英鳥有星聖人粹牆唐國風  
 標白出禹名國如乎之具聖已宮乏戰秋  
 高衣榜於知兩類煥天不傳想魯豈於春  
 導錦三聘總筌其麟在無而做鄒世生於  
 淦銳條先子之乎麟川用生而通辰賢生

其先生知暴行君清得丹與東魯齊頤衰  
 值先生周于可非之兩墜容於促不星鳳  
 却已之已終不事任人不手，袞誰之侯子  
 子獲爲自桀梁何之於堅白周民運武夫  
 許非寔尋度車袖兼樂惟知垂君時數，劉  
 時事天尺權之一亦節寧正舜嗟有續  
 盛雷權受心就來道已壽壯月堯符之望  
 漢夷從其于五三非於其益歲懷西虛難  
 炎元得聽重留卷樂獲名志彭卷於盈圖  
 於疆不自輕肯卽何亦其心喬郊麟帳伯

著波瀾。參日慨。一遺如也。字碑生。隸江  
 生淚。傷哉。草之。聞。中儀。製。則。殘。先。蕭。江  
 先血。亦矣。花市。喧。可。寺容。所跡。一。慕。葉。寒  
 感。舍。蟻。已。祠。番。人。不。新。之。生。其。面。也。條。樹。  
 魯。水。虫。縷。間。一。行。已。如。生。先。求。石。種。則。老  
 變。色。者。縷。上。字。上。響。址。先。碑。卽。蔓。所。真。單  
 將。變。生。絲。山。做。市。音。基。訝。石。而。蒼。生。其。頭  
 誰。皆。先。愁。淡。頭。做。市。音。基。訝。石。而。蒼。生。其。頭  
 道。河。思。結。冷。村。依。生。寺。莊。所。先。深。樹。欲。浸  
 王。山。波。蛛。煙。差。期。先。佛。像。有。慕。痕。榕。而。書



## TUYET-GIANG PHU-TU

Am thủy ba chùng, ngộ đạo chi uyên  
nguyên như cổ !

Tinh tư tế mật chi ti hào ;

Cảnh ngưỡng ung dung chi cấn-phủ.

Điền duy tiên sinh

Đông hải chương anh ;

Nam-sơn Lục tử.

Thông minh nhị mục, Hồng quân  
phủ dữ bất vi bản ;

Quảng khoáng huơng khâm, đại đạo vẫn  
tàng nguyên tự phủ.

Vạn ngôn biến tụng, học lục quán  
Ấn, Tô.

Tbất bộ thành chương, thí tài kiêm  
Lý, Đỗ.

Diệc tạo kỳ cực ư chính đại quang  
minh,

Bất cầu kỳ nghệ ư từ chương huấn hồ.

Nghĩa cứu thi thư lục tịch, xanh  
thuyền cùg Chu-Tử chi tân nhai,

Lý minh Thái Ất nhất kinh, Nhiên  
lê chiến Dương-Hùng chi tang phủ.

Kinh thiên vĩ địa, Chu Chung-tê tâm-  
tu.

Tàng vãng tri lai, Thiệu-Nghiêu-Phu  
môn họ.

## **PHỤ-TỬ GIANG-TRUY**

Đạo chi trừ, mẫn phước kinh luân ;  
Văn chi dụng hồn thần cảm tở.  
Phi thanh danh ư Chu ung Lỗ phán,  
tâm hàng ký tức trảng đề.  
Đạo cao tiên ư Đường bằng Tống  
khóa, chí nhưệ cảm y bạch trử.  
Chương thành vị tận trác điều tam ;  
Hàng xuất dĩ trình văn Sắc ngữ.  
Cấp tiên khóa ư Vũ-môu chi lãng,  
ngũ trường sĩ tử tồng trí danh ;  
Dự vịnh đấng ư lý học chi thuyên,  
lưỡng quốc anh hùng vô đối thủ.  
Xuất hồ ký loại như diên chi Phục  
hoàng, thú chi ký lân ;  
Hoán hồ hữu văn, tại địa chi Sơn  
xuyên, tại thiên chi linh tử.  
Thử vô bất chu ;  
Dụng vô bất cụ,  
Thánh nhân chi thông tự tiên-sinh  
nhi truyền,  
Thánh nhân chi vực đay tiên-sinh  
nhi tở.  
Tương dĩ tuy hồ ký đạo, môu dĩ  
thông Châu Lỗ cung tương,  
Hồ nhiên Thiên đã bất thời, thế

## TUYET-GIANG PHU-TU

khởi pháp Đường Ngu vũ trụ.  
Mạnh đại hiền sinh ư Chiến-Quốc  
can qua,  
Nhân Á thánh sinh ư Xuân thu  
phong vũ.  
Gia Cát bất sinh ư Viêm Hán thịnh trị ;  
Hứa tử khước tri kỷ cường Nguyên  
đi lễ.  
Sư phi hoạch dĩ tiên sinh đắc bất  
tò-g quyền,  
Thiếu thực vi chi, tiên sinh tư thịnh  
kỷ thu  
Sích tâm tự kỷ chu tri ;  
Khinh trọng vu tâm quyền độ,  
Kiệt chung vu bạo, kháng lưu ngũ  
tư chi xa ;  
Lương bất khả hành tức quyền tam  
lai chí tự,  
Hà sự phi quân, hà lạc phi đạo,  
nhất kiêm chi nhậm chi thanh ;  
Diệc hoạch ư kỷ, diệc lạc ư nhân,  
lưỡng đắc kỷ danh kỷ thọ.  
Tiết duy kiên bất truy đơn tâm ;  
Chỉ lịch tráng ninh tri bạch thủ,  
Dung dự Kiều Tung tuệ nguyệt, chính  
thụy Chu-Côn ư đông giao ;

## TUYẾT GIANG PHU-TU

Quyền hồi Nghiêu Thuấn quân dân  
thù sức Lỗ lao w Tây thù,  
Te thi vận chi bất tề,  
Trưởng doanh bư chi hữu số,  
Vũ hầu tính vẫn, bá đồ nan vọng  
tục Lưu,  
Pha tử phượng suy vương đao thù  
tương biểu Lỗ,  
Cảm tiên sinh giả, sơn hà giai biểu  
sắc, thủy hàm huyết lệ ba ba;  
Tư tiên sinh giả, trùng nghị diệt  
thương tâm, thù kết sấu tì lệ lệ,  
DI HÍ TAI VÂN YÊN LỄNH ĐẠM, sơn  
thượng nhân từ;  
Hoa thảo sâm si thôn đầu tộ vũ,  
Nhất phiên thị chi nhật ký y cụ,  
thị thượng hành nhân huyền não,  
khái tiên sinh chi âm hưởng dĩ  
bất khả vẫn;  
Nhất phát tự chi sơ chi như tân, tộ  
trung dĩ tượng trang nghiêm, nhạ  
tiên sinh chi dung nghi như hữu  
sở đồ.  
Thạch hi tiên sinh sở chế giả, mộ  
tiên sinh nhi tức cầu kỳ tích tặc



## TUYET-GIANG PHU-TU

tự ngàn thâm hiểm, dài man thạch  
diện nhất tàn bi ;  
Dung thụ tiên sinh sở chủng giã, mộ  
tiên sinh nhi dục cần kỳ chân, tắc  
điều diệp tiên sơ, tuyết tâm chi đầu,  
đơn lão-thu t

Hàn giang nữ tiên-sinh chi sở cư giã,  
vọng tiên sinh w giang chi biên giã,  
chi kiến giang chi ba, giang chi cháo ;  
Bạch-Vân nai tiên sinh tự danh giã,  
vọng tiên sinh w vân chi thượng  
giã, chi kiến vân chi tán, vân chi tự ;  
Nhiên nhi ; khởi duy vân tai, tiên-  
sinh ký thu dương, khởi duy giang  
tai, tóa-sinh ký Giang Hán ; Tiên  
sinh chi danh thường tự tại, tức  
thu dương cui trang chiếu, Giang  
Hán chi trang lưu.

Kởi duy thụ tai, tiên sinh ký lâm  
lâu, khởi duy thạch tai, tiên sinh  
ký Thái sơn, tiên sinh chi đạo uyển  
nhiên tồn, tức lâm lâu chi thượng  
vinh, thái sơn chi thượng cổ.

Trông thú nhệt, đại thôn vân âm,  
phân bản thị không phó hữu thiên t

## TUYET-GIANG PHU-TU

Đệ kim chiêu mộc bản thủy nguyệt,  
động niệm xứ vô năng hồi thủ.  
Cần cố !

Dịch :

Than ôi !  
Mây mờ đỉnh núi,  
Cỏ cây vườn cũ phai màu ;  
Nước lặng mặt ao,  
Nguồn gốc đạo ta như cũ.  
Lặng nhớ ti-hào ;  
Ngửa trông Cồn phủ,  
Kính nhớ tiên sinh ;  
Bề Đông-hải chung anh,  
Núi Nam-sơn dục tú,  
Mắt tai sáng suốt,  
Giới xanh phủ dũ vốn không nghèo.  
Bụng dạ mở mang,  
Đạo lớn uần tàng nguyên sẵn có.  
Muốn thiên đạo khắp,  
Học tài chặng kèm Âu, Tô (1).  
Bầy bước nên thơ,  
Văn lực không nhường Lý, Đỗ (2).

---

1) Âu dương Tu, Tô đông Pha,

2) Lý Bạch, Đỗ Phủ,

## TUYẾT-GIANG PHỤ-Ữ

Đạo đã nên chính đại quang minh,  
Nghề chẳng những từ chương huấn hử.  
Sáu bộ Thi Thư suốt nghĩa,  
Bơi thuyền đến bến thầy Chu,  
Một kinh Thái Ất thuộc lòng,  
Đốt lửa soi gan Dương-tử (1)  
Ngang giới giọc đất,  
Cùng lòng Chu-lễ (2) làm tư,  
Suy trước biết sau,  
Học lối Nghiêu-phụ (3) môn hộ  
Đạo chữa chan một bụng kinh luân;  
Văn tô điểm suốt mình cầm lú,  
Thanh giá nước trắng Ung cung Phán,  
Đường dài vớ kỹ ruỗi rong;  
Công danh tranh khoa Tống bảng  
Đường,  
Áo gấm ban ngày rục rở.  
Được ngọc chưa tàn ba ngọn,  
Văn viết đã xong;  
Bảng vàng rộng mở năm máy.  
Tên đá treo đó.

1) Dương hùng cuối đời Tây Hán.

2) Chu công Đán em Văn vương làm tướng nhà Chu giúp Vũ-Vương, Thành vương.

3) Thiệu-tử tên là Ung, hiệu Nghiêu-phụ, một nhà dịch học đời Tống làm ra quyển Hoành Cực Kích thế - thư.

## TUYET-GIANG PHU-TU

Ba đời Vũ-môn bay-những,  
Năm trường sĩ-lữ thảy tri-danh ;  
Một mình lý-học tinh-thông,  
Hai nước anh hùng không đối thủ.  
Văn chương rực-rỡ như núi sóng  
ở dưới đất, như ngôi sao ở trên  
giời ;  
Phàm loại tốt vời như phượng-hoàng  
trong loài chim, kỳ lân trong giống  
thú.  
Thế không gì là chẳng chu ;  
Dụng không gì là chẳng đủ.  
Đạo thống Thánh nhận tự tiên-sinh  
mà ; truyền ra ;  
Bờ cõi Thánh-nhân duy Tiên sinh  
là thấu-đáo.  
Những tướng đạo ngày càng sáng,  
Cửa đã thông Châu Lỗ (1) cũng  
tướng ;  
Hay đâu sinh chẳng gặp thời,  
Đời nào phải Đường Ngu vũ-trụ.  
Mạnh đại-hiền gặp budi Chiến quốc  
can qua ;

1) Châu là quê hương Mạnh tử Lỗ, là quê hương Khổng-tử.



## TUYẾT-GIANG PHỤ-TU

Thương thay / thời vận không lường;  
Ngán nỗi, đây nơi có số.

Ông Vũ-hầu (1) đến kỳ tình lạc,  
Còn mong gì nghiệp Bá nổi nhà Lưu,  
Đức Phu-Tử (2) tới lúc phượng suy  
Không có thể đạo vương phủ nước  
Lỗ.

Cảm tiên sinh, núi sông đều biển sắc,  
Nước triều man mác đời phen;  
Nhớ tiên-sinh, sầu kiến cũng đau lòng  
Tơ nhện vấn-vương khôn gỡ!

Đền trên non lạnh lẽo khói mây,  
Nhà dầu xóm ủ é hoa cỏ!  
Chợ nọ kỳ phiên vẫn họp  
Khách buôn huyền nào, mà tiên sinh  
âm hưởng vắng không?

Chùa kia cơ chỉ vẫn còn,  
Tòa Phật trang nghiêm, tưởng tiên-  
sinh dung nghi còn đó,

Bia đá của tiên-sinh dựng,  
Nhớ tiên sinh muốn tìm dấu cũ, thì  
nét chữ mờ mịt, rêu chen mặt đá,  
đã thành ra một chiếc tàn bia;

---

(1) Gia Cát Khổng Minh

(2) Khổng Tử.

## TUYỆT-GIANG PHỤ-TỬ

Cây đa của tiên sinh giông,  
Nhớ tiên-sinh muốn ngắm cảnh xưa,  
thì cảnh lá lơ thơ, tuyết đã đều  
cây, đã hóa hẳn mọi chòm cây-thụ.  
Hàm-giang là chỗ tiên sinh ở,  
Trông tiên-sinh ở trên sông ấy, chỉ  
thấy khi nước xuống khi nước lên ;  
Bạch-Vân là tên tiên sinh đấy,  
Trông tiên sinh ở trên mây kia, chỉ  
thấy đám mây tan, đám mây tụ.  
Nhưng tiên sinh há những như mây,  
tiên sinh là bóng thu dương, tiên-  
sinh há những như sông, tiên sinh  
là sông Giang Hán.  
Tiếng tiên sinh không bao giờ mất,  
tức là bóng thu dương, sáng mãi,  
nước Giang Hán chảy tràn :  
Mà tiên sinh há những như cây, tiên  
sinh là khu rừng lớn, tiên sinh há  
những như đá, tiên sinh là núi Thái  
Sơn,  
Đạo tiên-sinh muốn thuở vẫn còn, tức  
là khu rừng lớn tốt tươi,  
Núi Thái-Sơn cũng cố !  
Tướng ngày đó, bóng mây vầng núi,

## TUYET-GIANG PHŨ-TỬ

*Đau lòng thay là lúc chia phối ;  
Nghĩ buồn nay, nguồn nước gốc cây,  
Ngành mặt lại càng thêm cảm mộ.  
Cần Cốc !*

Cứ xem như bài văn tế của Đinh Thời Trung trên đây tuy lời lẽ có vẻ tăng-bớt,—ta đủ thấy uy-quyền đạo-đức và tri-thức của Trang thời ấy to biết dường nào ! Với một tài học uyên bác và một lòng ngay thẳng như gương. Trang đã vượt hẳn lên trên thế-lục, không bị vương vãi vào lợi danh, khiến cho đời bên Lê Mạc vốn cừ thù mà vẫn đến cổ vẫn nơi ngài không nghi ngại.

Cũng vì thế, cho nên không những riêng học trò Trang tôn mộ Trang, cho đến tất cả quần dân sĩ thứ toàn quốc cũng đều phải một lòng kính phục tôn mộ Trang.

Và cái lòng ngưỡng mộ ấy còn bền vững mãi ở những lớp người sau, và chiếm được cả lòng người ngoài nữa.



CHƯƠNG VII

NGƯỜI SAU NGUỠNG MỘ

Như trên đã nói, lòng ngưỡng mộ Trang Nguyễn Bình-Khêm còn mãi ở những lớp người sau. Sự ngưỡng mộ ấy được phát hiện và ghi chép hẳn hoi, ta nên lược kể mấy sách chứng sau này :

1.— Khoảng năm Chính-bồi (1680-1705) đời vua Y-tông nhà Lê, Sứ nhà Thanh bên Tàu sang sách phong cho vua Hy-tông, là Chu-Sán, có làm tập thơ « Sử-Giao » trong có một câu rằng :

### 衣冠人物重南疆

Y quan nhân vật trọng phương nam cương  
(Nghĩa là : Nhân vật áo mũ làm trọng cho cõi Nam)

Chu-Sán lại tự chú thích rằng : « Lý-học thời có Trình Tuyền, (tức Trang Trình) Vũ-Duyệt ; Kinh-lễ thời Mạc-Đĩnh-

## 7 UYET-GIANG PHU-TU

Chi, Nguyễn - Trung - Ngạn, Nguyễn-Trãi,  
Lương-Thế-Vĩnh, Còn Văn-học thì nhiều.»

2 — Năm Ất-mão năm đầu niên-hiệu,  
Vĩnh-hưu (1735) đời vua Ý-tông nhà Lê,  
dân làng Trung-am cảm nhớ thịnh-đức  
của Trang, nhân chỗ đền cũ, làm rộng  
ra ba tòa, rồi liên hội cả người trong  
Tông, định lệ cứ mỗi năm hai kỳ xuân  
thu cả tông đến tế để tưởng nhớ đến  
bậc kỳ tài có công đức với dân.

3. — Năm Giáp-ti, niên hiệu Cảnh-hung  
thứ năm (1745), Ôn-đình-hầu Vũ-Hàn-Lân,  
người làng Ngọc-Lặc, huyện Từ-Kỳ (Hải-  
dương) có soạn bài văn bia đề kỷ công  
Trang dựng ở đền thờ và làm ra tập  
Bạch-vân-am cư sĩ phả ký cuối cùng kết  
đại-lược như sau :

« ... Người trong họ là Nguyễn-Chí-Lý,  
sợ phả hệ thất lạc đi, có nhờ tôi biên  
soạn.

« ... Tôi tiếc loài Kỳ-lâu Phượng-hoàng  
là vật Vũ-tru không dễ thấy. Song chơi  
ở rừng nhà Đường, kêu ở ấp nhà Chu  
còn có thể gọi là diễm tốt. Đây tiên sinh  
thiền-tư minh-duệ, ôm cái học Thánh-

## TUYET-GIANG PHU TỬ

hiền, giá gặp thời mà hành đạo, tất có thể làm nên chí-trị, đời được cái thái bình bạc ra nền văn-minh rực-rỡ. Thế mà đức đáng đạo vua, lại sinh vào đời bá, cái sở học bình sinh không có chỗ dùng. Tiếc thay !

\* Tuy nhiên, dùng hay bỏ, làm hay dấu, đối với tiên sinh nào có hơn kém gì. Và tôi đây lại vì thế càng thêm lòng bái mộ. Sinh ở đất Mạc mà thử ra làm quan ấy là cái lòng muốn đến Công-Sơn (1) lòng thường biết việc đời không thể cưỡng được, đành phải bỏ về, ấy có cái chí theo Xích-Tùng-Tử (2) vậy. Ngày nay nghiên ngắm di-thư, thấy những sắc ngọc, miếng vàng, gió lành ánh đẹp, (ngọc sắc Kim thanh, sương phong thủy-nhật) cùng là cái thú khoáng đạt tâm mắt chơi dong, cái vui yêu sơn hải cúc, như chính mình thân được vai ở dưới lềm mà mục kích vậy. Như thế, trên trăm năm về

1) Đức Khổng-Tử muốn ra làm quan với Công Sơn Phát Nhiêu để hành đạo.

2) Trương Lương bỏ quan tước đi theo Xích-Tùng-Tử tu tiên.

## TUYET-GIANG PHU-TU

trước, dưới trăm năm về sau, không ai hơn được tiên sinh, há phải chỉ vì tiên sinh tinh về lý số, rõ trước biết sau mà thôi đâu. Và lại khắp thiên-hạ từ quân vương đến bậc hiền-nhân kẻ cũng nhiều lắm. Nhưng đều vinh hiển lúc sống, chết đi là hết. Duy tiên sinh truyền đến nay bầy tám đời rồi, mà sĩ-thứ các nơi càng chèo chèo như núi Thái-Sơn sao Bắc-dầu, nghìn năm như một ngày vậy. Xa như viên Sứ nhà Thanh cũng từng khen : « Nhân vật Lĩnh-Nam, lý-học có Triệt-Tuyên-hậu » rồi đem chép vào sách mà truyền khắp Trung-Quốc. Tiên sinh thực là một nhân tài nước Nam ta »

8 — Về đời Minh-mạnh triều Nguyễn (1821-1840), Phan - Huy - Chú, tác giả bộ sách giá trị « Lịch-Triều-Hiến-Chương » trong Nhân vật chí, kết về Trạng Bình-Khiêm, có đoạn rằng :

« Lòng Trạng không một lúc nào quên đời. Lo thời thương tục đều phát lộ ra thơ, văn-chương rất tự nhiên buông miệng là nên lời, không cần gọt rửa

TUYET-GIANG PHU-TU

Biển di mà đủ ý, nhạt nhẽo mà có vị, đều có quan hệ về day đời... Ngày nay còn truyền tập thơ *Bạch vân*. Xem qua đại lược, thấy như là giảng sáng ban đêm, gió mát ban ngày, nghìn đời sau còn tưởng thấy được.

« Ông thường có câu thơ rằng :

高潔誰爲天下士

安閑我是地中仙

Gao khiết thù vi thiên-hạ sĩ.

An nhàn ngã thị địa trung tiên !

(Nghĩa là cao khiết nào ai là kẻ sĩ trong thiên hạ ? An nhàn ta là tiên trên đời !)

« Ý chừng câu ấy là câu nói chí vậy ! »

Ta đã rõ thân thế, tâm-sự Trang Nguyễn Bình Khiêm cũng là cái hoàn-cảnh xã-hội nó đóng khung lấy sự hoạt-dộng, của Trang như thế nào rồi. Vậy ta có thể nhân đây định được giá-trị Trang trên lịch sử nước nhà. Riêng phần chúng tôi, ở đây chúng tôi tạm làm công việc ấy tùy theo thiên-kiến của chúng tôi.

Muốn nghiên-cứu một nhân vật cho khỏi sai lầm, trước hết cần phải phân tích rõ cái đặc-tính nó định đoạt những hành động của nhân vật ấy.

Đặc-tính của Trang Bình-Khiêm là đặc tính một nho-gia chính phải chịu ít nhiều ảnh-hưởng Phật học và Lão-học.

Trang Bình-Khiêm là một nhà nho thuần túy. Ngay từ tiên-thiên, Trang đã được khuôn đúc theo nho-giáo rồi. Cả một

## TUYỆT-GIANG PHU-TU

thời-đại nho học toàn-thịnh từ triều Hồng-đức, đã thấm-nhuần vào mạch máu tất cả mọi người trong xã-hội, đàn ông cũng như đàn bà, ít nhiều tinh-túy của nho-giáo. Nhất là những người dòng dõi nho-gia như Văn-Đình và Nữ-thị. Nữ-thị lại là một nữ lưu đặc biệt thời bấy giờ. Không những bà đã giỏi văn-từ, thông kinh-sử, tinh lý số, mà thôi, mà lại là người chỉ thành muốn tạo lấy một người con hơn người. Đã có cái chí ấy, tất nhiên bà phải có phương pháp thai-giáo và giáo dục riêng. Nhờ thế mà cậu bé Bình Khiêm mới bốn tuổi đã thuộc và hiểu hết các chính văn kinh truyện. Sơ thông minh hẳn-hiệp ấy một phần lớn là do bà luyện cho. Như vậy, Trạng Bình-Khiêm, một phần do linh-khí non sông kết tinh, một phần do thuần-túy kinh-nghiệm của những thế hệ trước chuyển vào, và nhất là do di-truyền trực từ cha mẹ, đã trở-thành một nhà thông thái phi thường kết tinh của thời đại. Do thuần-túy kinh-nghiệm, nên



## YUYET-GIANG PHU-TR

nhôn lên, Trang học đến đâu như ôn lại đến đấy, nhớ và lĩnh hội được hết ý-nghĩa cổ-nhân ghi chép trong sách. Lại nhờ có một vị tôn-sư bác học đã vẫn truyền thụ cho, nên ngay từ khi còn thời, Trang đã nghiêm-nhiên trở thành một nho-gia chính-truyền, thấu-triệt và biến dụng hết tinh-thần nho giáo. Cái tinh-thần ấy gốc ở *Dịch kinh bát quái*, quan-niệm vũ-trụ theo lẽ *động*, vì *Dịch* là thay đổi, là đạo biến thiên của vạn vật, là sự khởi thủy của thế-giới; là sự biến-chuyển các tiềm lực trong nội giới bản-ngã cũng như ngoài đại-ngã vũ-trụ. Tinh-thần ấy có khuynh-hướng duy-nhất, coi thiên địa vạn vật là đồng nhất thể, và vạn vật các hữu thái-cực, cho nên trong Hệ-từ Kinh Dịch có câu:

« Dịch dữ thiên địa chuần, cổ năng di-luân thiên địa chi đạo. Ngưỡng dĩ quan ư thiên văn, phủ dĩ sát ư địa-lý, thị cổ chi ư minh chi cổ; nguyên thủy phân chung, cổ chi tử sinh chi thuyết sinh khí vi vật, du hồn vi biến, thị cổ ri quý thần chi tiab trạng.

**BUYET-GIANG PHU-TU**

易與天地準，故能彝倫。天文俯  
地之道，仰以觀於天，文俯  
以察於地理，是故知幽明  
之故，原如反終，故知死生  
之說，精氣爲物，遊魂爲變  
是故知鬼神之情狀。

(Nghĩa là Dịch là phỏng theo luật pháp của giới đất, cho nên có thể dõi lên đường nối của đạo giới. Nâng lên để ngắm suy những hình tượng, cúi xuống xét nghiệm mạch lạc của sông núi, cho nên biết cái tối là nguyên-nhân của cái sáng; cái chung kết lại giống về cái nguyên cho nên biết lý-lẽ của đạo sống chết; cái kết tinh lại thành vật thể, cái tinh-lực không định chỗ là biến, cho nên biết tinh trau của quý bản là những lực chưa hiển-hiện).

Cái tinh-thần Dịch-học đã màu-nhiệm và huyền diệu vô cùng như vậy — vì nó là một bản-tính huyền-diệu của thực

### TUYET-GIANG PHU-TU

ại—người nào không có cảm thông với nó ít nhiều, thì sao hiểu bằng sự liễu giải thuần lý được. Người ta phải ôn ôn thực hiện nó trong mình, phải thể được nó, nghĩa là phải hiểu nó bằng tri hạnh hợp nhất, thì mới cảm được sự vật, rồi mới hiển dụng đời, như trong Hệ-từ đã viết :

• Phù đại-nhân giả dĩ thiên địa hợp kỳ đức, dĩ nhật nguyệt hợp kỳ minh, lữ tứ thời hợp kỳ tự, dĩ quý thần hợp kỳ cát hung. Tiên thiên nhi thiên bất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời; thiên khả phát vi nhi bướng ư nhân hồ hống ư quý thần hồ!

夫大仁者與天地合其德  
與日月合其明,與四辰合  
其序,與鬼神合其吉凶,先  
天而天不違,後天而奉天  
時,天可弗違,况於人乎,况  
於鬼神乎。

## TUYẾT-GIANG PHU-TU

(Nghĩa là : *Ôi ! người đại nhân thông đạo Căn khôn, có cái đức tính phối hợp với đức sinh của Trời đất, phối hợp với đức sống của mỗi giới một giáng, phối hợp với sự tuần hoàn của bốn mùa, phối hợp với sự cát hung của quẻ thần. Biết trước sự vị lai mà không sai, thừa phụng sự hiện tại mà không trễ. Đã không sai luật tự nhiên của Trời Đất, thì sao lại không hợp với lòng người, không hợp với khuynh hướng trăm nghìn của những thể lực tự nhiên còn ẩn.*)

Nếu thế là đã thấu triệt tinh thần Dịch học, đã đến mức tham thiên địa, đồng nhất với tạo-vật rồi vậy. Trang Bình Khiêm, nhờ tuần túy kinh nghiệm và tư chất thông minh phi thường đã tiến đến đó ấy, lại được linh tường thêm lên như có bộ « Thái Ất Thần Kinh » vì Thái Ất Thần Kinh cũng chỉ là biến minh Dịch học mà thôi.

Đấy là về vũ trụ, về phương diện nhân sinh, tinh thần nho học chủ trương sự hòa điệu đồng nhất với tự nhiên, cho

## TRUỆT-GIANG PHU-TRU

nên chú trọng nhất về Lễ Nhạc. Lễ là mọi quy thức mọi trật tự để giáo dục tâm lý sinh lý con người cho con người trở về bản nhiên, thuận với trật tự tự nhiên. Lễ gây lấy cửa cánh là một hòa điệu đại đồng ở trong bản ngã của ta hợp với đại ngã vũ trụ, không còn phân ra chủ với khách nữa, đâu đâu cũng là một hòa điệu ấy. Cái hòa điệu ấy tức là nhạc vậy.

Trạng Bình-Khiêm đã thấu triệt được tinh thần nho học như thế. Vậy thử xét xem trên trường thực tế, Trạng hành động có hợp lý đúng với linh thần ấy không?

Sống ở giữa cuộc đời rối ren, Trạng cảm cái đau khổ của dân chúng, mà không có phương nào biểu nghiệm mau chóng đem ra cứu chữa, Trạng cũng toan bắt chước những đại nhân đời trước tìm nơi ở ẩn, để toàn thân khỏi nạn. Nhưng đã có tâm đau khổ vì thiên hạ loạn ly, thì ẩn đâu mà tránh được sự đau khổ. Cho nên tuy nhà Mạc có cơ duyên nhất được quốc gia xã hội, tuy bằng Bá đạo, Trạng

## TRUYỆT-GIANG PHỤ-TU

cũng cố ra làm quan mong đem dưng được những điều mình sở-đắc. Đến khi thấy vua tôi nhà Mạc không có lòng giúp mình nên chỉ-trị, thiên-hạ vẫn còn rối loạn, Trọng lại đánh rũ áo ra về mong dạy bảo đàn em, chuyên làm việc chằng vãn-bóa.

Naug tiếng đã võ, danh cao khắp trong Triều ngoài Nội đều kính mộ, hai bên cứ địch nhau đều tỏ lòng. Trọng phải xử sự làm sao cho khỏi va đến nhân. Đối với triều-định nhà Mạc, dù trái đạo đi nữa, nhưng vẫn một lòng tôn mộ. Tất nhiên, Trọng vẫn phải thờ cho hợp đạo theo đúng phép giao-thiệp. Ngoài những điều khuyên chằm dưng nhân nghĩa trị-dân, việc du Nguyễn-Quyện về Mạc là một sự đáp tạ lại. Có người sẽ bảo sao Trọng đã biết nhà Lê sẽ trung hưng lên, mà theo Lê là chính đáng, sao lại đi du Nguyễn - Quyện về Mạc? Trách như thế là chưa rõ tâm-sự Trọng. Đánh rằng theo Lê là chính đạo, nhưng Trọng đương sống trong gia-cư của Mạc, đã để cho người ta kính trọng bao năm,

## TUYET-GIANG PHO-TU

may người ta nhớ một việc mà không giúp  
ta chả phi nghĩa sao? Và lại dù một  
Nguyễn-Quyện đã bỏ chủ này đi chỗ  
khác, mà thể hiện dường không thể cùng  
đứng được với Triệu-Tùng thì cũng chẳng  
sao? Trang không du, sớm hay chầy,  
Quyện tất cũng phải về Mạc thôi. Trang  
có thể biết như thế nên mới dụ về. Ta  
phải xem đến chỗ Trang để lấy học-trò  
Phùng-Khắc-Khoan, Lương-Hữu-Khánh về  
giúp Lê thì mới rõ tâm sự Trang theo  
thuận sáng như bao ngày.

Sống giữa thời loạn, một lời nói, nhất  
là của một người được tôn trọng, rất  
quan hệ. Có thể người ta sẽ vin vào đấy  
mà làm xấu. Cho nên trang phải lấy  
việc khác ngụ ý mà khuyên bảo những  
người đến thỉnh-giáo. Chắc Trang lấy  
làm khổ tâm lắm. Nhưng có như thế  
thì mới giữ được nguyên- vẹn tâm lòng  
trong sạch, và mới được yên tâm mà  
chuyên chú về đường văn-hóa, gây lại  
trật tự từ hạ tầng dân-chúng trở lên.

Ngày nay chắc nhiều người sẽ lấy  
làm lạ sao, sống giữa lúc loạn ly ấy

## TUYẾT-GIANG PHU-TU

làm sao Trọng không đi vào một trong hai con đường mà phần nhiều triết-nhâm Tây phương đã qua, trong trường hợp như thế ? Một là tuyên - truyền bạo động. Hai là trước thuật nhiều sách thuyết minh tư tưởng.

Trọng đã không đi vào cả hai con đường ấy. Giả Trọng đi vào con đường thứ nhất, nêu cao cờ Chân-Lý và Chính-đạo lên kêu gọi quốc dân chống lại Triều-đình bấy giờ, có lẽ rồi kết quả cũng như Trần-Thảo hay Trần-Cảo mà thôi, về sau ai còn biết đến thanh-danh Trọng làm gì. Trọng đã không làm thế, bởi vì Trọng nhận rõ Thời cuộc hơn, Trọng trông rõ hiện trạng xã-hội hơn. Nói tóm lại là Trọng tiến hóa hơn, bởi vì những người thật tiến hóa có khi lại hay bảo thủ !

Về con đường thứ hai, Trọng không để lại một quyển sách gì về tư tưởng hay Triết học, ngoài một tập thơ, trong ấy có ít nhiều bài sấm. Tại sao vậy ? Bởi vì Trọng cũng như tất cả các bậc tiến-hiền nước ta, đều quan-niệm rằng



## TUYET-GIANG PHU-TU

chân lý đã rõ ràng trong kinh truyện của cổ nhân rồi. Mà cần phải tự mình thực hiện, thì mới cảm thông được với chân lý cho nên những học giả về sau, chỉ cần truyền bá cho nhau biết lối đến bên bờ chân lý tức là kinh truyện kia, rồi tự kẻ học thực hiện lấy. Cũng như có một nơi thắng cảnh, ta chỉ cần báo lối cho biết để đến mà thăm, rồi mỗi người xúc cảm một khác, chứ không thể người nọ bắt người kia cảm theo ý mình. Mà đã biết ai cảm nhận được đúng thực tại của tự-nhiên. Cho nên càng thuyết minh, càng giải thích Chân lý, trái lại lại thành ra càng đi xa chân lý. Bởi quau-niệm như thế, nên các cụ ta ngày xưa rất ít viết sách về tư tưởng.

Tóm lại như trên đã nhận xét, ta có thể kết luận rằng: Trang Bình-Khiêm là một nhà nho trong sạch của một thời đại đen tối rối loạn.

Đành rằng trang cũng không phát minh được gì ích lợi cho sự sinh hoạt của dân-tộc Việt-Nam, song đây không phải là lỗi ở Trang, đây là do phạm vi nhỏ

## **TUỆT-GIANG PHU-TU**

gẹp của đất nước và do điều-kiện kinh tế địa dư chi phối, và một phần do tinh thần nho học trọng đồng nhất với thể lực tự nhiên, chứ không mong chiến thắng Tạo hóa, để dịch sử tạo-hóa ; — đánh rằng thể, nhưng tấm lòng trong sạch của Trang đi đôi với sự giữ toàn tính mệnh cho trọn tuổi giờ, giữa lúc thể sự đảo điên như thế, cũng đáng treo làm gương sáng cho bọn chúng ta ngày nay, đang lúc thế giới nghiêng trẹo này.

H ẾT

Giấy phép in của phòng Thông-Tin, Tuyên-Truyền  
và Báo-CM số 41, ngày Hai, Tháng Hai 1966

## NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI-LA

Số 46, phố Harmand - Hà-Nội

### THẾ - LỮ

Ba hồi kinh-dị	7.50
Người vô hình, (tập I)	4.00
Người vô hình, (tập II)	7.80
Bóng ma trong gương	(sấp in)
Dương Quý Phi	(sẽ in)
Lê-Ta làm báo	(sẽ in)

### VI HUYỀN ĐẶC

Lê-chi viên	(đương in)
Giê-su, đấng cứu thế	(đương in)
Kim tiền	(sấp in)
Bách-hạc đình	(đương in)

### ĐÀO TRINH NHẤT

Vương An Thạch	(đương in)
Phan đình Phùng	(đương in)

### VŨ NGỌC PHAN

Cây đào Kỳ-mông	(đương in)
Đôi giày không mòn	(sấp in)
Tạp bút	(sấp in)

### NGUYỄN TUÂN

Một người đốt rừng trúc	(đương in)
-------------------------	------------

### CHU - THIÊN

Tuyệt-giang phu-tử	7.80
--------------------	------

### PHAN TRẦN CHỨC

Ba Đình	(sấp in)
---------	----------

### LINH - TÂM

Tuyên-phi họ Đổng	(đương in)
Người thứ ba	(sấp in)
Thái-tử Duy-Vỹ.	(sẽ in)
Những tối trăng lẻ	(sẽ in)

Mọi việc tiền bạc, bảo-đảm, xin đề lên ông

VŨ CÔNG HỒ